



PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 363, NĂM THỨ 30

1 THÁNG 10 NĂM 2024



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com
Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON
CHÂN ĐẠI LƯỢNG
MINH HÒA
NHÂN CA
TÂM KHÔNG
TÂM TUỆ TỈNH
TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH
HÀN TRÚC
HỒNG DƯƠNG
MINH CHÁNH
MINH ĐỨC
TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA
NHÂN CA**

Mục Lục

<u>Hê quả của nhà Sư Minh Tuê</u>	BBT	3
<u>Thiền đình một PP. biến cải tâm linh</u>	Hoang Phong dịch	4
<u>Niềm tin và kinh Kamala</u>	Nguyễn Duy Nhiên	9
<u>Pháp Cú: 410 Phẩm Bà La Môn</u>	HT. Th. Minh Châu dịch	11
<u>Thơ: Cây Khô</u>	Tuệ Sỹ	11
<u>Đức Phật giảng về Viên Cảnh Thời Mạt Pháp</u>	Tuệ Tâm	12
<u>Thơ: Trang không</u>	Phổ Đồng	17
<u>Trao dồi hành xả</u>	Đức Đạt Lai Lạt Ma - Tuệ Uyên dịch	18
<u>Hư Hư Lục: Xa Đầu Tu Lạc</u>	Thích Nữ Như Thủy	30

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

**Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học**

Hệ quả của nhà sư Minh Tuệ,

Sau sự kiện sư Minh Tuệ bị mất tích ở Nha Trang, những nhà sư và những người đi theo bị giải tán, trên mạng xã hội người ta bàn tán đến chùa Ba Vàng ở Quảng Ninh và chùa Phật Quang ở Bà Rịa Vũng Tàu.

Chùa Ba Vàng nào là sự kiện năm 2019, “thỉnh vong”, thuyết giảng “vong báo oán”, cùng “oan gia trái chủ” phải cúng kiến để giải nạn.

Năm 2023, trưng bày “xá lợi tóc Phật” thỉnh từ Myanmar về, xá lợi tóc ấy hoạt động, thật ra đó là cỏ Pili, một loại cỏ có tên khoa học là *Heletropogon contortus* là loại cỏ dại mọc ở vùng nhiệt đới, cận nhiệt đới như Châu Mỹ và Đông Á ...

Đó là những sự kiện do chùa Ba Vàng tổ chức để cho nhiều Phật tử các nơi đến chùa tham quan sự kiện, cúng dường Tam Bảo.

Còn Thích Chân Quang thế danh là Vương Tấn Việt, trụ trì chùa Phật Quang thuộc xã Tân Hải, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã tự ý sửa 1 trong 5 giới cấm căn bản của Phật Giáo, bị cấm thuyết giảng trong 2 năm, người ta còn phát hiện Thích Chân Quang dùng văn bằng Bỏ túc văn hóa cấp 3 giả, để theo học đại học và được cấp bằng Tiến sĩ thuộc đại học Hà Nội. Ngoài ra Thích Chân Quang còn chiếm đất rừng, xây dựng nhiều công trình không có giấy phép.

Đó là những sự kiện lớn bắt nguồn từ nhà sư Minh Tuệ tu theo hạnh đầu đà, đi khất thực từ Nam ra Bắc và lần thứ 3 có nhiều người đi theo bước chân của sư gây ồn ào trên Mạng và trong xã hội, nên người ta có dịp so sánh những nhà sư chân chính và những người đã làm hoen ố chôn Thiên môn, vốn là nơi thanh tịnh để tu hành, tự sửa mình, làm cho tốt đời đẹp đạo.

Là Phật tử chúng ta phải hàng ngày, hàng giờ tu tâm dưỡng tánh, phải đi chùa lễ Phật, dự những buổi thuyết pháp của chư Tăng, Ni để được sách tấn luôn, nhưng chúng ta phải biết chọn những Tăng, Ni chân chính mà theo đó tu học. Có như vậy mới là người Phật tử chân chính.

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita

Hoang Phong chuyên ngữ

VII. Các cấp bậc của người bồ-tát (6 bài)

Bài 44 - Các cấp bậc của người bồ-tát

Bài 45 - Kalyana-mitra hay những người bạn tâm linh

Bài 46 - Tam bảo

Bài 47 - Bốn thể loại bồ-tát

Bài 48 - Người bồ-tát không bao giờ thoái lui.

Bài 49 - Người bồ-tát dưới hình thức Pháp thân.

Bài 47 Bốn thể loại bồ-tát

Có tất cả bốn thể loại bồ-tát: trước hết là các "sa-di bồ-tát" (*novice-bodhisattva*, xin lưu ý chữ sa-di ở đây không liên hệ gì đến tuổi tác mà chỉ có nghĩa là những người mới bước vào con đường tu tập), sau đó là các "bồ-tát đang còn bước đi trên con đường", tiếp theo là các "bồ-tát không thoái lui" (*không còn quay trở lại*) và sau hết là các "bồ-tát trong thể dạng dharmakaya" (*pháp thân bồ-tát*)

Sa-di bồ-tát

Người sa-di bồ-tát đôi khi cũng được gọi là người "bồ-tát đang còn học hỏi giới luật" (*còn trong giai đoạn phải cố gắng tuân thủ giới luật*). Họ là những người đã thật sự chấp nhận lý tưởng của người bồ-tát, tức là lý tưởng sẽ đạt được Giác ngộ, nhưng không phải chỉ là để giải thoát cho cá nhân mình, mà là góp phần mang lại sự Giác ngộ cho tất cả chúng sinh, dù họ là ai và ở

bất cứ nơi nào. Sự chấp nhận đó rất sâu xa. Các sa-di bồ-tát không phải chỉ đơn giản là những người có dịp đọc một quyển sách về Phật giáo Đại thừa và hiểu thế nào là lý tưởng của người bồ-tát; cũng không phải là những người được tiếp nhận lễ thụ phong của người bồ-tát một cách chính thức và công khai, mà là những người, từ những nơi sâu kín của con tim mình, quyết tâm cống hiến đời mình vì lý tưởng của người bồ-tát và dồn toàn lực vào việc tu tập. Thế nhưng trong lúc vẫn còn là một người sa-di bồ-tát, thì dù từ trong thâm tâm nhất quyết bước theo lý tưởng của người bồ-tát và dù hăng say luyện tập đến đâu đi nữa, thì bodhicitta (*tâm thức giác ngộ / bồ-đề tâm*) cũng chưa có thể hiện lên với mình được. Chúng ta vẫn chưa cảm nhận được một cách thật mãnh liệt - gần như là một sự choáng váng - niềm thiết tha mong sao đạt được sự Giác ngộ toàn năng vì sự an lành của tất cả chúng sinh. Người ta có thể bảo rằng người sa-di bồ-tát cũng đã thật sự là một người bồ-tát qua tất cả mọi khía cạnh, ngoại trừ một điều thật quan trọng chưa đạt được. Người sa-di bồ-tát dù đã tạo được cho mình đầy đủ hành trang, thế nhưng bodhicitta (*tâm thức giác ngộ / bồ-đề tâm*) - tức là quyết tâm thực hiện sự Giác ngộ như là một sự cảm nhận trực tiếp và sinh động, - thì vẫn chưa hiện lên với họ. Dầu sao người sa-di bồ-tát cũng đã bước được vào con đường. Tất cả những người tu tập Đại thừa chân chính (*chân thật, nghiêm túc*) đều có thể được xem như là các sa-di bồ-tát (*dù họ chỉ là cư sĩ hay Phật tử tại gia cũng*

vậy).

Người sa-di bồ-tát phải dành nhiều thì giờ học hỏi kinh sách Đại thừa, nhất là các kinh sách nói về sự trống không (tánh không), về lý tưởng của người bồ-tát và paramita (các sự hoàn hảo, còn gọi là ba-la-mật-đa). Không nhất thiết là phải đọc thật nhiều sách, chỉ cần đọc vài phân đoạn hoặc vài trang, thế nhưng phải đọc đi đọc lại, hầu giúp cho ý nghĩa của các đoạn văn đó ăn sâu vào tâm thức và con tim mình. Tại nhiều nước theo Phật giáo Đại thừa, trong giai đoạn tập tành này, người sa-di bồ-tát phải học thuộc lòng các đoạn văn sâu sắc đó (các bài kinh ngắn hoặc các đoạn luận giải nổi tiếng trong các kinh sách Đại thừa) để tụng sau khi chấm dứt các buổi hành thiền. Ngoài ra cũng còn một phép luyện tập khác, và cũng đã trở thành một thông lệ, đó là cách bắt buộc người sa-di bồ-tát phải tự tay sao chép kinh sách. Việc sao chép đó không phải là để tạo ra thêm nhiều bản sao mới mà là một phương pháp thiền định. Người sa-di bồ-tát phải tập trung thật mạnh để viết các dòng chữ thật đẹp, không được thiếu sót, cũng không được phạm lỗi chính tả. Trong khi sao chép chúng ta phải nghĩ đến ý nghĩa của từng chữ, từng câu. Từng chữ một, các ý nghĩa đó sẽ ăn sâu vào phần vô thức, kín đáo tác động đến tâm thức và biến cải toàn thể con người của mình. Theo truyền thống từ ngàn xưa, việc sao chép và nắn nót từng chữ một rất quan trọng, phải say mê và xem đó như là sadhana (sadhana là tiếng Pali và tiếng Phạn, có nghĩa là một cách phát lộ sự cao đẹp), một phương pháp tu tập tâm linh

Là một người sa-di bồ-tát, tất nhiên chúng ta phải luyện tập thiền định, nhất là thiền định về bốn bhrama vihora (bốn thể dạng vô

biên của tâm thức, kinh sách Hán ngữ gọi là "Tứ vô lượng tâm"): sự từ tâm (metta / tình thương / "từ"), lòng từ bi (karuna / "bi"), niềm hân hoan (mudita / "hỉ") và sự bình lặng (upeksha / sự thanh thản, thẳng bằng và vững vàng của tâm thức / "xả"). Phép luyện tập này rất quan trọng và được xem là nền tảng khơi động lòng từ bi vô biên nơi người bồ-tát ở các cấp bậc thành đạt thật cao.

Giai đoạn tiếp theo là tập trung vào việc luyện tập các paramita (các thể dạng hoàn hảo). Tất nhiên và nếu có thể, thì mỗi ngày phải thực thi bảy phép nghi lễ (xin xem lại bài 35 trong chương V, bảy phép nghi lễ / puja đã được giải thích trong phần ghi chú của bài này), Ngoài ra cũng phải trau dồi bốn yếu tố hỗ trợ cho sự phát triển bodhicitta (tâm thức giác ngộ / bồ đề tâm) theo sự chỉ dẫn của Vasubhandu (Thế Thân, một vị luận sư người Ấn thế kỷ thứ IV, từng góp phần sáng lập học thuyết Yogakara /Duy thức) và phải luôn cố gắng giữ một nếp sống đơn sơ, ăn cần, thân thiện, khả ái, và trong sự sinh hoạt hằng ngày phải luôn nghĩ đến việc giúp đỡ những người chung quanh. Đây là phẩm tính của người sa-di thâm nhuần sâu xa lý tưởng của người bồ-tát và thực thi lý tưởng đó một cách thành thật, dù rằng bodhicitta (tâm thức giác ngộ) vẫn chưa hiện lên với mình.

Người bồ-tát đang còn bước đi trên con đường

Cấp bậc cao hơn cấp bậc sa-di bồ-tát là cấp bậc của những "người bồ-tát đang còn bước đi trên con đường". Họ là những người đang cố gắng vượt qua sáu bhumi (kinh sách Hán ngữ gọi là "địa giới") đầu tiên trong số mười bhumi (dasabhumi / "thập địa", là một khái niệm nêu lên mười cấp bậc thẳng tiến

của người bồ-tát). Sau khi đạt được địa giới thứ nhất thì tất cả các sa-di bồ-tát sẽ cảm nhận được sự thức tỉnh của con tim giác ngộ, họ ý thức được ý nghĩa sâu xa hàm chứa trong các lời nguyện của người bồ-tát và bắt đầu hằng say luyện tập các paramita (các sự hoàn hảo. Xin mạn phép nhắc lại paramita nguyên nghĩa là "vượt sang bờ bên kia", và cũng có nghĩa là "mục đích" hay "bờ bên kia" hay sự "hoàn hảo". Phật giáo Theravada nêu lên mười paramita; Phật giáo Đại thừa gom chung trong sáu paramita).

Nhiều học phái Đại thừa cho rằng những người "bước vào dòng chảy" (sotapatti / kinh sách Hán ngữ gọi là "sơ quả tu-đà hoàn", hoặc "nhập lưu" hay "nhất quả", và ở cấp bậc này người tu tập sẽ còn phải tái sinh), "những người sẽ còn quay lại thêm một lần" (sakadagami / "nhị quả tu-đà-hàm" hay "nhất lai", có nghĩa là còn phải tái sinh thêm một lần nữa), "những người không còn quay lại" (anagami / "tam quả a-na-hàm" hay "bát lai", có nghĩa là không còn tái sinh nữa) và kể cả các vị A-la-hán (Arahant), là những người được nói đến trong Phật giáo Theravada, tất cả đều thuộc thể loại những "người bồ-tát đang còn bước đi trên con đường" (tức là cấp bậc thứ hai trong hệ thống thứ bậc của người bồ-tát). Theo quan điểm của nhiều trường phái Đại thừa thì trong giai đoạn tu tập này, các vị trên đây dù đã thực hiện được mục đích giác ngộ mang tính cách cá nhân đi nữa, thế nhưng bất cứ lúc nào họ cũng có thể rơi vào tình trạng đổi thay, hoặc đánh mất lý tưởng giác ngộ vì sự tốt lành của tất cả chúng sinh, và có thể cả lòng quyết tâm bước theo con đường lý tưởng của người bồ-tát.

Trong tập luận *Vòng bảo châu trân quý của*

sự Giác ngộ (đã được nói đến trong bài 45) nhà sư Gampopa đã dựa vào bản kinh *Aksayamatipariprocha* để mô tả các cấp bậc thăng tiến của những người "bồ-tát đang còn bước đi trên con đường" như sau:

«Người ta có thể nhận thấy được lòng từ tâm (metta tình thương yêu, sự quý mến, kinh sách Hán ngữ gọi là "từ") đối với chúng sinh của những người bồ-tát qua phong cách (attitude / thái độ, tác phong) giác ngộ khi vừa mới bắt đầu hiện lên với họ (tức là cấp bậc thứ nhất của những người sa-di bồ-tát); hoặc qua bản chất của hiện thực nơi những người bồ-tát đã hoàn toàn sống với nó bằng cách thực thi những điều tốt lành (tức là cấp bậc thứ hai của những người bồ-tát đang còn bước đi trên con đường); hoặc bằng cách thực hiện và chấp nhận mang lại mọi điều tốt lành cho chúng sinh, nhưng không nhằm vào bất cứ một chủ đích nào của người bồ tát, khi họ đã thực hiện và chấp nhận sự kiện tất cả mọi thực thể (entity / thực trạng) của hiện thực không hề hàm chứa một nguồn gốc (nguyên nhân, điều kiện) nào cả (tức là cấp bậc cao nhất của người bồ-tát, vượt lên trên thế giới trói buộc của các hiện tượng do điều kiện mà có, và đó cũng là thể dạng "trống không tuyệt đối" của hiện thực, nói một cách khác là sự giải thoát tối thượng. Nói chung đoạn văn trên đây vô cùng khúc triết và sâu sắc của nhà sư Gampopa, nêu lên sự thăng tiến của người bồ-tát, sự thăng tiến đó gồm có ba cấp bậc : 1- khi lòng từ tâm hiện lên với mình ; 2- khi ý thức được bản chất của hiện thực là gì để sống với nó và để thực thi những điều tốt lành vì tất cả chúng sinh ; 3- khi đã thực hiện được bản chất trống không của hiện thực để sống với nó và tiếp tục thực thi những điều tốt lành đó cho tất cả chúng sinh, nhưng không vì một chủ đích nào

cả). Ngoài ra chúng ta cũng không khỏi khâm phục sự uyên bác của nhà sư Sangharakshita khi trích dẫn câu trên đây trong một tập luận được trước tác cách nay đã 9 thế kỷ!

Sự kiện cho rằng "lòng từ tâm đối với chúng sinh" (*xin nhắc lại : lòng từ tâm hay tình thương yêu - metta - là phẩm tính thứ nhất trong số bốn phẩm tính vô biên gọi là "tứ vô lượng tâm"*) chỉ có thể phát sinh nơi người bồ-tát khi nào bodhicitta (*tâm thức giác ngộ*) đã hiện lên với họ, điều đó cho thấy lòng từ tâm thật hết sức khó thực hiện. Khi nào chúng ta tạo được cho mình một thái độ hành xử từ tâm khá bền vững đối với các chúng sinh khác, thì khi đó chúng ta mới thật sự - hoặc có vẻ - trở thành một người bồ-tát, và nếu nói theo Phật giáo Theravada thì đây là "một người đã bước được vào dòng chảy". Điều này cho thấy tầm quan trọng vô cùng to lớn của thái độ tích cực đối với tất cả kẻ khác, bất chấp các khiếm khuyết của họ và cả của mình, đồng thời cũng bất chấp tất cả những sự rắc rối (*complication / phức tạp, khó khăn*) có thể sẽ xảy ra sau đó như là một sự thách đố đối với sự kiên nhẫn của mình.

Theo Gampopa, thì những "người bồ-tát đang còn bước đi trên con đường" có đủ khả năng phát động lòng từ tâm (metta) của mình "trước bất cứ một hiện thực nào" (*đối với tất cả chúng sinh trong bất cứ bối cảnh nào hay hoàn cảnh nào*). Tuy nhiên, là những người sa-di bồ tát, các bạn cũng có thể phát huy metta (*tình thương, lòng từ tâm, sự khả ái / "từ"*) đối với tất cả chúng sinh, thế nhưng đồng thời các bạn vẫn cảm thấy họ khác với mình (*tức là một sự tách biệt hiện ra giữa chủ thể và đối tượng*). Thế nhưng khi trở thành những "người bồ-tát đang còn bước đi trên con đường" (*cấp bậc*

thứ hai) thì các bạn sẽ bắt đầu vượt lên trên cảm nhận về sự khác biệt đó. Điều này không có nghĩa là mọi sự đều bị thu hẹp để trở thành một cái gì đó mang tính cách đồng nhất và siêu hình, mà đúng hơn là một sự cảm nhận về con người của mình tách rời với kẻ khác trở nên lu mờ một cách rõ rệt. Điều này thật hết sức khó giải thích bằng chữ nghĩa, chẳng qua là vì chữ nghĩa chỉ là những gì phát sinh từ các sự cảm nhận nhị nguyên (dualistic) (*giữa chủ thể và đối tượng, giữa mình và mọi sự vật mà mình cảm nhận được chung quanh mình*), bởi vì đó là một sự cảm nhận giữa mình và cả kẻ khác thắm đượm một cái gì đó vượt lên trên cả hai thứ (*tức là mình và kẻ khác, chủ thể và đối tượng*), thế nhưng đồng thời cũng không hẳn là xóa bỏ hay gạt bỏ bớt phía này hay phía kia (*không hẳn là hoàn toàn quên mình và chỉ nghĩ đến người khác mà là một sự cảm nhận thật gần với kẻ khác qua một mối dây thân thiện thật sâu xa*). Sự phân biệt không còn mang tính cách tuyệt đối nữa (*mình và kẻ khác, chủ thể và đối tượng không còn là hai thực thể hoàn toàn khác biệt nhau*), sự căng thẳng (*sự phân tách*) giữa mình và kẻ khác giảm bớt đi (*sự tách biệt giữa mình và kẻ khác trở nên lu mờ*), và mở ra một khung cảnh hiện thực rộng lớn hơn. Chẳng hạn một người nào đó đứng ra bố thí, và nếu người này là một "sa-di" thì vẫn có thể xảy ra một sự lưỡng lự ở một mức độ nào đó : "tôi có nên giữ lại một phần hay mang ra cho hết ?". Thế nhưng sau đó thì người này cũng có thể nghĩ rằng tốt hơn hết nên biến mình trở thành một con người cao quý hơn, bền phát động một sự cố gắng thật to lớn giúp mình hiện dâng tất cả. Khi nào đạt được cấp bậc thứ hai đó của lòng từ tâm, thì sự đối nghịch trên đây (*giữa mình và kẻ khác*) sẽ không còn nữa. Chúng ta sẽ cảm thấy không có một sự khác

biệt đáng kể nào giữa hành động giữ lại một phần cho mình và quyết tâm mang ra hiến dâng tất cả, sự cảm nhận đó sẽ khiến chúng ta mang ra hiến dâng tất cả một cách thật hồn nhiên và vui sướng.

Lòng từ tâm "không nhằm vào một chủ đích đặc biệt nào cả" chỉ hiện lên với người bỏ-tát khi nhận thấy và chấp nhận sự kiện "tất cả mọi thực thể (*entity / thực trạng*) của hiện thực không hề hàm chứa một nguyên nhân (*nguồn gốc, điều kiện*) nào cả", và điều đó chỉ có thể xảy ra trong địa giới (*bhumi*) thứ tám trong số mười địa giới ("*thập địa*" hay *mười cấp bậc thăng tiến của người bỏ-tát*). Sự kiện đó được gọi là *anupattika-dharma-kshanti*, có nghĩa là sự chấp nhận thật kiên kiên trì ("*patience*" / *kiên nhẫn, không xao động*) sự kiện tất cả mọi *dharma* (trong trường hợp này chữ *dharma* không có nghĩa là Đạo Pháp, mà có nghĩa là các "hiện tượng") không thật sự hiện ra cũng không thật sự biến mất (nguyên nghĩa của chữ *anupattika-dharma-kshanti* là "sự hiểu biết trí thức về sự thật của sự hiện hữu không mang một nguồn gốc phát sinh nào cả. Nếu phân tích từng chữ một thì tiền ngữ *an-utpatti* có nghĩa là không do một điều kiện hay nguồn gốc nào cả ; chữ *dharma* có nghĩa là hiện tượng; *shanti* có nghĩa là sự kiên nhẫn). Nói một cách khác, trên thực tế người ta sẽ nhận thấy không hề có bất cứ một thứ gì do điều kiện mà có (conditionality) hay phát sinh từ các nguyên nhân (causality), nhờ đó người ta sẽ đủ sức đương đầu với sự kiện trái ngược hẳn lại với những gì mà mình cho rằng đúng ra phải là như thế (phải đương đầu và giữ vững tâm nhìn hướng vào một thế giới "giải thoát", phi điều kiện và phi nguyên nhân, trái ngược lại với thế giới "nô lệ", chi phối bởi sự vận

hành trôi buộc của mọi hiện tượng do nguyên nhân và điều kiện mà có, tức là những gì mà chúng ta ngỡ rằng đúng thật là như thế: tức là cái này sinh ra cái kia, cái kia sinh ra cái nọ). Người ta sẽ nhận thấy bất cứ một sự hiện hữu nào cũng chỉ là ảo giác, không thật sự phát sinh từ một sự hiện hữu nhất định nào cả, cũng không thật sự tách rời ra khỏi một sự hiện hữu nào khác (không hình thành cũng không tan biến, một thể dạng thoát khỏi sự vận hành do nguyên nhân và điều kiện mà có, tức là một sự hiện hữu phi điều kiện, ý nghĩa mở rộng là sự tỉnh thức hay giác ngộ). Và những gì chúng thực (*seal / đánh dấu, chứng nhận*) cho sự huyền bí đích thật của sự thực hiện đó (tức là sự cảm nhận về bản chất phi nguyên nhân và phi điều kiện của thế giới hiện tượng) chính là sự kiện cho thấy chúng ta ngày càng trở nên từ bi hơn (ý nghĩa của câu này khá khúc triết : nhận thấy chúng sinh vướng mắc trong sự vận hành trôi buộc của thế giới hiện tượng, trong khi mình cảm nhận được và thực hiện được bản chất phi nguyên nhân và phi điều kiện của thế giới và ra thoát khỏi thế giới, sẽ không khỏi khiến mình phát động lòng từ bi ngày càng mãnh liệt hơn đối với chúng sinh còn đang quay cuồng với sự vận hành của thế giới. Lòng từ bi ngày càng trở nên mãnh liệt trong lòng mình, đôi khi có thể khiến mình không chịu đựng nổi, chính là sự huyền bí sâu xa và cũng là bằng chứng xác nhận sự thăng tiến của mình trên đường tu tập. Trong hai bài 48 và 49 tiếp theo bài này, nhà sư Sangharakshita sẽ tiếp tục nói đến hai thể loại bỏ-tát khác là "người bỏ-tát không còn thoái lui" và "người bỏ-tát dưới thể dạng dharmakaya" / pháp thân).

Bures-Sur-Yvette, 22.09.21
Hoang Phong chuyển ngữ

NIỀM TIN VÀ KINH KALAMA

Nguyễn Duy Nhiên

Mỗi khi nói về vấn đề niềm tin trong đạo Phật, chúng ta thường hay dẫn lời dẫn chứng những lời Phật dạy trong kinh Kalama.

Có một lần, đức Phật đi ngang qua bộ lạc của người Kalama. Nghe danh tiếng của Phật, người dân của bộ lạc này tìm đến đánh lễ và hỏi Phật,

- Có một số đạo sư khác đi ngang qua đây. Nhưng người nào cũng làm sáng tỏ, và ca tụng quan điểm của chính mình, nhưng lại bài xích, khinh miệt, chê bai, và xuyên tạc quan điểm người khác. Đối với họ, bạch Thế Tôn, chúng con có những nghi ngờ phân vân: "Trong những vị đạo sư này, ai nói sự thật, ai nói dối?"

- Trong những trường hợp như thế, đương nhiên là các Ông có những nghi ngờ và có những phân vân! Nay các ông, các ông đừng tin một điều gì vì phong văn. Đừng tin một điều gì vì nó là tập quán lưu truyền. Đừng tin một điều gì vì được nhiều người nhắc đi nhắc lại. Đừng tin một điều gì vì đó là bút tích của thánh nhân. Đừng tin một điều gì vì đó là thói quen đã có từ lâu. Đừng tin một điều gì do ta tưởng tượng và lại nghĩ rằng do một thần linh nào đó khai thị cho ta. Đừng tin một điều gì vì đó là do các thầy có uy tín dạy.

Nhưng này các Ông, khi nào tự mình chứng nghiệm và biết rõ như sau: "Các việc này là bất thiện; các việc này là đáng chê; các việc này bị các người có tuệ giác chỉ trích; các việc này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau", thời này

các ông, hãy từ bỏ chúng!

Và ngược lại, khi nào tự mình chứng nghiệm và biết rõ như sau: "Các pháp này là thiện; Các pháp này là không có tội; Các pháp này được người có trí tán thán; Các pháp này nếu được thực hiện, được chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này các ông, hãy cố gắng thực hành để tự đạt đến và an trú trong hạnh phúc!

Ta biết rõ và chứng nghiệm những gì?

Và sau này chúng ta thường hay dùng những lời đó để dẫn chứng rằng, đức Phật dạy ta đừng bao giờ nên tin vào một điều gì hết, chỉ những gì tự chính bản thân mình đã chứng nghiệm rồi thì ta mới có thể tin. Nhưng có phải trong kinh Kalama đức Phật chỉ khuyên những người dân ở đây có bấy nhiêu đó thôi chăng?

Thật ra, trong kinh đức Phật còn giảng nghĩa thêm cho họ như vậy nữa,

- Các Ông nghĩ thế nào, lòng tham lam, sân hận hay si mê khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn

- Khi có người bị tham sân si chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, nói láo, khuyến khích người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.
 - Các Ông nghĩ thế nào, các việc này là thiện hay bất thiện?
 - Là bất thiện, bạch Thế Tôn.
 - Đáng chê hay không đáng chê?
 - Đáng chê, bạch Thế Tôn.
 - Bị người có trí quả trách hay không bị người có trí quả trách?
 - Bị người có trí quả trách, bạch Thế Tôn.
 - Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến bất hạnh đau khổ không? Hay ở đây như thế nào?
 - Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến bất hạnh, đau khổ, ở đây, đối với chúng con là vậy.
 - Như vậy, này các Kalama, điều Ta vừa nói với các Ông là như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên, những điều này do chính bản thân các ông hiểu rõ và tự chứng nghiệm, vậy các ông hãy từ bỏ chúng. Nếu các ông biết chấp nhận và thực hành và trọn đời sẽ được an lạc và hạnh phúc.
- Và ngược lại, đức Phật lặp lại như vậy về những hành động vô tham, vô sân và vô si:
- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kalama, khi không tham, không sân, không si khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?
 - Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Khi có người không bị tham sân si chinh phục, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có đem lại hạnh phúc an lạc lâu dài cho người ấy hay không?
- Thừa có, bạch Thế Tôn.
- Các Ông nghĩ thế nào, các pháp này là thiện hay bất thiện?
- Là thiện, bạch Thế Tôn.
- Các pháp này là đáng chê hay không đáng chê?
- Không đáng chê, bạch Thế Tôn.
- Bị người có trí quả trách hay được người có trí tán thán?
- Được người trí tán thán, bạch Thế Tôn.
- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến hạnh phúc an lạc không, hay ở đây, là như thế nào?
- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến hạnh phúc, an lạc. Ở đây, đối với chúng con là vậy.
- Như vậy, này các Kalama, điều Ta vừa nói với các Ông là như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên, những điều này do chính bản thân các ông hiểu rõ và tự chứng nghiệm, vậy các ông hãy chứng đạt và an trú! Nếu các ông biết chấp nhận và thực hành và trọn đời sẽ được an lạc và hạnh phúc.

Chúng ta ai cũng đều đã chứng nghiệm.

Như vậy, tôi nghĩ trong kinh Kalama đức

Phật không nói về một niềm tin xa vời như ta nghĩ.

Trong kinh, đức Phật không phải chỉ khuyên chúng ta nên tin vào những gì tự mình chứng nghiệm mà thôi, mà ngài còn trình bày thêm cho ta thấy những điều mà chính bản thân chúng ta đã từng chứng nghiệm và biết rất rõ. Chúng ta ai cũng đã đều chứng nghiệm rằng, hễ mình hành động vì ganh tỵ, nhỏ nhen, tính toán, si mê... thì chúng là bất thiện và sẽ mang đến khổ đau. Và ngược lại, những hành động nào do bao dung, tha thứ, trí tuệ, thương yêu... thì chắc chắn sẽ mang đến cho ta hạnh phúc.

Và đức Phật cũng nhắc nhở rằng, đức tin đặt nền tảng trên sự "tự bản thân mình chứng nghiệm" mà ngài trình bày là nằm trong ý đó. *"Điều đã được nói lên với các Ông là như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên."* *"And in reference to this was it said."*

Có niềm tin trong sự thực tập của mình

Nếu không khéo, chúng ta có thể vô tình biến những lời dạy rất thực tế của đức Phật thành lý thuyết suông, rồi lý luận cho rằng niềm tin của ta phải được dựa trên một sự chứng nghiệm gì to tát hay xa xôi lắm.

Thật ra, đức Phật bao giờ cũng khuyên ta nên có một niềm tin vào chánh pháp và sự thực tập của mình. Những việc làm nào bị thúc đẩy do tư lợi, do tham sân si sẽ mang đến cho ta khổ đau, và nếu biết cố gắng thực tập tha thứ, rộng lượng, cởi mở... ta chắc chắn sẽ có hạnh phúc. Đó là những gì mà đức Phật khuyên ta nên tin, bởi chúng ta đều đã chứng nghiệm và hiểu biết chúng rất rõ.

Dầu xã hội hay cuộc sống chung quanh có

nói rằng, giàu sang sẽ mang đến tự do, và dầu cho có một uy quyền nào đó bảo ta rằng, danh lợi sẽ mang đến hạnh phúc... ta cũng đừng vội tin. Hãy tự nhìn lại những gì mình đã chứng nghiệm đi! Cái gì bắt đầu từ những cố chấp, nắm bắt, nhỏ nhen sẽ chỉ mang đến sự bất toại nguyện và khổ đau. Và cái gì bắt đầu bằng sự buông bỏ, thanh thoi sẽ đưa ta đến tự do và hạnh phúc.

Và đó là một niềm tin mà tôi nghĩ trong Kinh Kalama đức Phật dạy ta hãy chấp nhận và biết cố gắng thực hành.

Nguyễn Duy Nhiên

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Bà La Môn

410

*Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn*



Cây khô

Tuệ Sỹ

*Em xõa tóc cho cây khô sâu mộng
Để cây khô mạch suối khóc thương nhau
Ta cúi xuống trên nụ cười chín mộng
Cũng mơ màng như phố thị nhớ rừng sâu*

Rừng Vạn Giã 77

ĐỨC PHẬT GIẢNG VỀ VIỄN CẢNH THỜI MẠT PHÁP: MA QUỶ ĐỘI LỘT THẦY TU, SỰ TĂNG VÔ ĐẠO

Cách đây hơn 2500 năm trước, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng dự ngôn, sau khi Ngài ly thế, cũng chính là vào thời kỳ Mạt pháp thì Phật Pháp mà ngài truyền sẽ bị phá hư, diệt vong. Và trong thời Mạt pháp, sẽ xuất hiện rất nhiều tăng nhân giả làm thiện tri thức đưa chúng sinh lầm đường lạc lối.

Dự ngôn về thời Mạt pháp của Đức Phật

Hơn 2.500 năm trước, khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, trong những năm truyền Pháp của mình đã để lại cho con người tương lai nhiều dự ngôn rằng vào thời kỳ mạt pháp sẽ xuất hiện rất nhiều dị thường xảy ra và cũng chính là lúc con người không còn tâm Pháp để câu thúc đạo đức.

Đức Phật từng xác định rõ với A-Nan rằng: “Nay Chánh Pháp duy trụ 500 năm”. Trong đoạn mười bảy “Phân Diêm Phù đề phẩm” của quyển thứ 55 “Nguyệt Tạng Phân” của “Đại Tập Kinh”, sau khi giảng về thời kỳ “cháy rục xán lạn trên đời... bởi vì Pháp của ta vẫn còn giải thoát kiên cố”, Phật Thích Ca có giảng tiếp về 2.000 năm sau đó:

“... Sau 500 năm, Chánh Pháp của ta, Thiện Định, Tam Muội được kiên cố vững chắc. Kế 500 năm, đọa tụng, nghe nhiều được kiên cố vững chắc. Kế 500 năm, ở trong Pháp ta xây nhiều tháp tự được kiên cố vững chắc. Kế 500 năm, ở trong Pháp ta, tranh giành, tranh luận, ca tụng, “Pháp rõ ràng” đã ẩn kín không còn, tôn giảm kiên cố. Nay

những bậc thông hiểu thanh tịnh! Cứ thế về sau, ở trong Pháp ta, tuy cạo đi tóc râu, mặc lên áo cà sa, huỷ phá giới cấm, hành xử không như Pháp, là Tỳ Kheo giả” – (dẫn từ zhengjian.org).

Như vậy, Phật Thích Ca đã dự báo sau khi trải qua năm cái 500 năm, cũng chính là sau 2.500 năm, cũng chính là thời điểm hiện tại, khi mà các tăng nhân trong Pháp của Ngài, tuy cạo trừ râu tóc, thân mặc cà sa, nhưng họ “phá huỷ giới cấm, hành xử không như Pháp”, đều đã là những “Tỳ Kheo giả”.

Trong tác phẩm kinh điển của Phật gia “**Phật thuyết pháp diệt tận kinh**” (còn gọi là “*Pháp diệt tận kinh*”) được cho là đã được dịch ra vào thời Lưu Tống (420 – 479) cũng có ghi lại những dự đoán của Đức Phật Thích Ca về quá trình tiêu vong của Phật Pháp.

Lúc ấy, Phật Thích Ca Mâu Ni ở tại nước Kusinagara của Ấn Độ cổ, có rất nhiều tín đồ và dân chúng đến tụ tập ở xung quanh ngài. Dù cho tín đồ và chúng sinh chấp tay bái, nhưng Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn im lặng không nói gì, ánh hào quang cũng không xuất hiện. Khi ấy, Phật Thích Ca Mâu Ni đã ở dưới cội bồ đề khai ngộ và truyền giảng pháp được 49 năm. Các đệ tử của ngài đã sớm quen với việc nghe ngài giảng pháp. Hơn nữa, họ cũng quen với Phật quang hiển hiện ra khi ngài đang giảng pháp.

Một trong mười đại đệ tử của Phật Thích Ca

Mâu Ni lúc ấy là Tôn giả A Nan cảm thấy không hiểu, liền hướng đến Phật hỏi nguyên do. Lúc đầu, Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn lặng im, không trả lời. Sau ba lần thỉnh cầu, Phật Thích Ca Mâu Ni đã khai thị, và một phần nội dung những lời của ngài đã được ghi trong phần “**Phật thuyết pháp diệt tận kinh**”.

“Phật thuyết pháp diệt tận kinh” ghi chép lại, Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói với Tôn giả A Nan và các tín đồ rằng, sau khi ngài ly thế, cũng chính là vào thời kỳ Mạt pháp mạt kiếp thì Phật Pháp mà ngài truyền sẽ bị phá hư, diệt vong. Là một người giác ngộ đại trí đại huệ, Phật Thích Ca Mâu Ni thập phần hiểu rõ vận mệnh pháp mà ngài truyền giảng.

Phật Thích Ca Mâu Ni gọi xã hội nhân loại lúc này gọi là “**Ngũ nghịch trọc thế**”, “**ma đạo hưng thịnh**”. Lúc này, “**Ma tác sa môn phi loạn ngô đạo**”, tức là ma quỷ chuyển thế xuất gia đến chùa miếu tu hành, phá hoại pháp của Ngài. Lúc ấy, sẽ bại hoại đến mức độ nào? Chính là, áo cà sa có ngũ sắc sặc sỡ, uống rượu, ăn thịt, sát sinh, tham vị, không có từ tâm hơn nữa còn có ghen tức đố kỵ lẫn nhau.

Chỉ cầu nhờ cửa Phật mà không tu giới luật

Trong “Pháp diệt tận kinh” viết: “*Tự cung vu hậu bất tu đạo đức, tự miếu không hoang, vô phục tu lý, chuyển tự hủy hoại. Dẫn tham tài vật, tích tụ bất tán, bất tác phúc đức; phán mại nô tì, canh điền xung thực, phân hủy sơn lâm, thương hại chúng sinh, vô hữu từ tâm; nô vi tì khuru, tì vi tì khuru ni, vô hữu đạo đức, dâm diệt trọc loạn, nam nữ bất biệt. Lệnh đạo bạc đạm, giai do tư bối; hoặc tị huyên quan, y ý ngô đạo, cầu tác sa môn,*

bất tu giới luật, nguyệt bán nguyệt tận, tuy danh tụng giới, yếm quyền giải đãi, bất dục thánh văn, sao lược tiền hậu, thiết hữu đậu giả, bất thức tự câu, vi cường ngôn thị, bất tư minh giả, cống cao cầu danh, hư hiển nha bộ, dĩ vi vinh ký, vọng nhân cung dưỡng.”

Ý rằng: Những ma sư sau khi đã hủy hoại Phật Pháp, tạo nghiệp xong rồi cũng không dụng tâm tu đạo đức. Chùa chiền lúc này trở thành nơi ở của kẻ buôn, đầu cơ. Thậm chí chùa chiền hoang phế cũng không có người tu sửa, cuối cùng nhanh chóng bị hủy hoại gần như không còn gì.

Chúng sinh chỉ tham tiền tài vật chất, tích lũy dè giàu, cũng không tu phúc đức chân chính. Có kẻ còn bắt đầu buôn bán nô tỳ, bắt nô tỳ cày ruộng trồng trọt, sưu cao thuế nặng. Ngoài ra còn đốt phá rừng, làm tổn hại sinh mạng chúng sinh, không còn một chút thiện tính từ bi nào nữa.

Đến thời đại này, những người có phẩm hạnh xấu xa trở thành nô lệ cho đồng tiền hoặc nô lệ cho danh lợi lại xuống tóc đi tu trở thành sư hoặc ni cô. Họ không những vô đạo đức mà còn dâm dục phóng túng, hành vi hỗn loạn bản thủ, tăng nhân nam nữ chung sống cùng nhau, không còn lo ngại gì về lễ độ luật pháp. Chính đạo suy yếu đều vì đám sư sãi ma quỷ này.

Cũng có những kẻ vì trốn tránh quan trường truy xét mới nương nhờ cửa Phật, cầu nơi dung thân, họ trở thành thầy tu nhưng không thể giữ được giới luật. Tuy bề ngoài vẫn tụng niệm giới luật nhưng trong lòng chán ngán, buông thả, cơ bản là không muốn nghe Phật Pháp, hoặc lược bớt nội dung, không dám nói hết.

Thêm nữa họ không thể học thuộc kinh điển, cho dù thỉnh thoảng có người đọc được nhưng lại không thể hiểu chữ nghĩa và câu cú, bản thân không thông hiểu kinh sách mà không đi tham khảo ý kiến người minh trí, tự cao tự đại, ham danh tiếng mà làm ra những trò hư ngụy, cố ra vẻ tao nhã, tự cho mình vinh quang, trông mong người khác đến cung cấp nuôi dưỡng mình.

Ma quỷ đội lốt thầy tu mà phá hoại Phật Pháp

Khi Đức Phật còn tại thế, Ma Vương từng có lời nguyện rằng: *“Này ông Cồ Đàm! Hôm nay ta thua ông, vì ông còn trụ ở thế giới này, nên ta không làm gì được ông. Ông nên biết rằng, sau khi ông diệt độ, sau này các đệ tử của ông, dù là lớn hay nhỏ, tuy là hình thức tu theo ông, chứ việc làm của họ phải làm theo sự điều khiển của ta cả, ông phải chống mắt mà xem ta sai khiến họ!”*.

Ma Vương nói thêm: *“Còn sau khi ông diệt độ, người nào dám viết lại những lời dạy về Như Lai thanh tịnh thiên của ông, đều là kẻ chống đối với ta, ta quyết chí triệt phá họ cho bằng được. Ta sẽ sai khiến người có chức có quyền trong đạo của ông phụ giúp ta triệt phá người này. Ta cũng báo cho ông Cồ Đàm biết, số người tu theo đạo của ông, một ngàn người chưa chắc có một người biết pháp môn thanh tịnh thiên này, nhưng việc cúng lạy và cầu xin thì là vô số kể. Ông đừng mong đem giáo pháp thiên thanh tịnh này để đưa người sống trong vật chất do ta cai quản, hầu thoát ra ngoài sự cuốn hút của vật chất được!”*.

Ma Vương lại nói thêm: *“Này ông Cồ Đàm, sau này có rất nhiều người đem pháp môn tu trong vật chất, mạo danh thanh tịnh thiên để*

dụ nhiều người đến nghe để họ kiếm tiền, những người này cũng là do ta xúi bả cả”.

Hiện giờ không phải là đang là như vậy sao? Rất nhiều giới luật đều bị sửa đổi, rất nhiều hòa thượng chia thành các cấp như khoa, xứ, cục, .v..v. lãnh tiền lương, nhận tiền thưởng, duy trì hình thức bề ngoài của Phật giáo như làm công tác, còn có ngày nghỉ, thậm chí ngày lễ thăm bà con thân thích, có tiền gửi về nhà, thậm chí cưới vợ dưới quê, mua nhà cửa. Tỉnh táo mà suy nghĩ, đó còn là Phật giáo của Phật Thích Ca không? Còn có thể tu hay không? Những hoà thượng ấy còn là thật sự xuất gia hay không? Đó chẳng phải đúng là những “Tỳ-kheo giả” hay sao?

Có thể nói, sự phá hoại từ bên trong là sự phá hoại nguy hiểm nhất. Những người khoác áo Phật gia nhưng không chân tu đã làm diện mạo Phật Pháp bị hoen ố, khó lý giải và trở thành dị đoan trong mắt người đời. Đó là tội ác, cũng là sự phá hủy con đường mà Phật Đà lưu lại cho thế nhân.

Chùa chiền hiện nay đã biến thành nơi của kẻ buôn bán đầu cơ, chúng sinh tham tiền tài vật chất không tu đức chân chính. Tăng ni trong chùa đã có những kẻ vô đạo mà còn dâm dục phóng túng. Lại cũng có người trở thành thầy tu mà không chân tu, nhưng tự cao tự đại, hám danh tiếng mà làm ra những trò giả dối. Giữa các Pháp môn khác nhau cũng có đấu đá, nói xấu, đặt điều, thậm chí vu khống, giữa những môn phái cùng thuộc Phật giáo cũng chẳng tha. Đó là điều mà người tu luyện làm được sao?

Thế sự vạn biến, thật giả khó lường, cái giả, cái tà, cái ác sẽ mượn danh cái chân, cái chính, cái thiện để lừa dối người ta, mê hoặc dẫn dụ người ta. Như thế phải dùng trí

tuệ của Phật Pháp để phân biệt thật giả, chính tà, thiện ác. Bám chắc vào Pháp, chứ không chạy theo số đông, không nghe theo danh tiếng người thầy nào đó, hay danh tiếng môn phái nào đó, như vậy mới không bị mê lạc vào con đường tà mà Ma Vương đã sắp đặt sẵn.

Thế nhưng, trong “Phật thuyết Pháp diệt tận” cũng có ghi chép lại lời của Đức Phật: “Khi Pháp ta diệt, ví như đèn dầu sắp tắt, ánh sáng lóe lên, sau đó liền diệt; khi Pháp ta diệt, cũng như đèn tắt, khó mà trách được. Đến như sau đó mấy nghìn vạn năm, khi Di Lặc hạ thế làm Phật, thiên hạ thái bình, độc khí toàn tiêu”.

Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói đến một cứu cánh cho toàn nhân loại ngày nay, đó là khi “Chuyên Luân Thánh Vương” (trên thiên thượng gọi là “Pháp Luân Thánh Vương”, cũng xưng là “Di Lặc”), một vị Như Lai với thần thông tối quảng đại, năng lực lớn nhất trong vũ trụ, rồi sẽ hạ thế truyền Pháp độ hết thảy chúng sinh các giới.

Xuất phát từ lòng từ bi với con người, Phật Thích Ca Mâu Ni đã đưa thiên cơ trọng yếu này vào các dự ngôn minh xác, lấy đó khai thị người đời sau phải sáng suốt để tự cứu, thoát khỏi kiếp nạn, và hướng về kỷ nguyên mới của lịch sử. Mong rằng những ai hữu duyên có thể tìm và đắc được cơ duyên vạn cổ để có thể giải thoát chính mình này, khi cơ hội đến hãy nắm bắt đừng bỏ qua.

Tuệ Tâm

Nguyên văn kinh:

ĐỨC PHẬT THUYẾT KINH PHÁP DIỆT TẬN

Trích từ sao lục của SENG YU Bản dịch
Hán văn: Vô danh
Đại Chánh Tạng Quyển 13 Hiệt 1118 Số
396 Niết Bàn Bộ

Bản dịch Anh ngữ: **Tỷ-khuru THÍCH
HẰNG THẬT** Vạn Phật Thánh Thành -
Hoa Kỳ

Bản dịch Việt ngữ: **THÍCH NHUẬN
CHÂU** (Tịnh thất Từ Nghiêm, Đại Tông
Lâm)

Ban Việt Dịch Vạn Phật Thánh Thành đối
chiếu Hán văn và hiệu đính

Kệ khai kinh

*Phật pháp cao siêu rất thâm sâu,
Trăm ngàn muôn kiếp khó tâm cầu.
Con nay nghe thấy chuyên trì tụng,
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.*

Như thật tôi nghe, một thời Đức Phật ở thành Câu-thi-na. Như Lai sẽ nhập niết-bàn trong vòng ba tháng nữa, nên các tỷ-khuru, tỷ-khuru ni cũng như vô số các loài hữu tình đến để cung kính đánh lễ. Thế tôn tĩnh lặng, ngài không nói một lời và hào quang không xuất hiện. Ngài A-nan cung kính đánh lễ và hỏi:

“Bạch Thế tôn, từ trước đến nay khi nào Thế tôn thuyết pháp, ánh sáng oai nghi của Thế tôn đều tự nhiên xuất hiện, nhưng hôm nay trong đại chúng, không thấy ánh hào quang ấy từ Thế tôn tỏa ra nữa, chắc hẳn có nhân duyên gì, chúng con mong muốn nghe Đức Thế tôn giảng giải.”

Đức Phật vẫn im lặng không trả lời, cho đến khi A-nan cầu thỉnh đến ba lần, lúc đó Đức Phật mới bảo A-nan:

“Sau khi Như Lai nhập niết-bàn, khi giáo pháp bắt đầu suy yếu, trong đời ngũ trước ác thế, ma đạo sẽ rất thịnh hành, ma quỷ biến thành sa-môn, xuyên tạc phá hoại giáo pháp của ta. Chúng mặc y phục thể tục, ưa thích y phục đẹp đẽ, cà sa sắc sỡ; uống rượu, ăn thịt; giết hại sinh vật tham đắm mùi vị; không có lòng từ, thường mang sân hận, đố kỵ lẫn nhau.

“Vào lúc ấy, sẽ có các vị Bồ-tát, Bích-chi Phật, A-la-hán hết sức tôn kính, siêng năng tu đức, được mọi người kính trọng tiếp đãi., họ đều giáo hóa bình đẳng. Những người tu đạo này thường cứu giúp kẻ nghèo, quan tâm người già, cứu giúp người gặp cảnh nghèo cùng khốn ách. khuyến khích mọi người thờ phượng, hộ trì kinh tượng. Họ thường làm công đức, hết lòng từ bi làm lành, không hại kẻ khác. hy sinh giúp đỡ không tự lợi mình, thường nhân nhục nhân hòa.

“Nếu có những người như vậy, thì các tử-khuru tà ma đều ganh ghét họ, ma quỷ sẽ nổi ác phỉ báng, xua đuổi trục xuất các vị tử-khuru chân chính ra khỏi tăng viện. Sau đó, các tử-khuru ác ma này không tu đạo đức, chùa chiền tu viện sẽ bị hoang vắng, cỏ dại mọc đầy. Do không chăm sóc bảo trì, chùa chiền trở thành hoang phế và bị lãng quên, các tử-khuru ác ma sẽ chỉ tham lam tài vật tích chứa vô số của cải không chịu buông bỏ, không tu tạo phước đức.

“Vào lúc đó các ác ma tử-khuru sẽ buôn bán nô tỳ để cày ruộng, chặt cây đốt phá núi rừng, sát hại chúng sanh không chút từ tâm. Những nam nô trở thành các tử-khuru và nữ tỳ thành tử-khuru ni không có đạo đức, dâm loạn dơ bẩn, không cách biệt nam nữ. Chính những người này làm đạo suy yếu phai dần. Những người chạy trốn luật pháp sẽ tìm

đến quy y trong đạo của ta, xin làm sa-môn nhưng không tu giới luật. Giữa tháng cuối tháng tuy có tụng giới, nhưng chỉ là trên danh nghĩa. Do lười biếng và phóng dật, không còn ai muốn nghe nữa. Những ác sa-môn này sẽ không muốn tụng toàn văn bản kinh, tóm tắt đoạn đầu và cuối bản kinh theo ý của họ. Chẳng bao lâu, việc tụng tập kinh điển cũng sẽ chấm dứt. Cho dù vẫn còn có người tụng kinh, nhưng họ lại không hiểu câu văn. vẫn khăng khăng cho họ là đúng, tự phụ, kiêu căng mong cầu danh tiếng, ra vẻ tao nhã để mong cúng dường.

Khi mạng căn của các ma ác tử-khuru này chấm dứt, thân thức của họ liên đọa vào địa ngục A-tỳ. Đã phạm phải 5 tội trọng, nên họ phải tái sinh liên tục chịu khổ trong loài quỷ đói và súc sinh. Họ sẽ ném những nổi thống khổ trong vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng. Khi tội hết, họ sẽ tái sinh ở những vùng biên địa, nơi không có Tam bảo lưu hành.

“Khi chánh pháp sắp biến mất, phụ nữ sẽ trở nên tinh tấn và thường làm việc công đức. Đàn ông sẽ trở nên lười biếng và sẽ không còn ai giảng pháp. Những vị sa-môn chân chính sẽ bị xem như đất phân và không ai tin ở các vị ấy nữa. Khi chánh pháp sắp suy tàn, chư Thiên sẽ bắt đầu khóc lóc, sông sẽ khô cạn và năm thứ cốc loại không chín (mát mùa, đói kém). Bệnh dịch thường xuyên xảy ra, cướp đi vô số mạng người. Dân chúng phải làm việc cực khổ, quan chức địa phương mưu tính lợi riêng, không thuận theo đạo lý, đều ưa thích rối loạn. Người ác gia tăng nhiều như cát dưới biển, người thiện rất ít, hầu như chỉ có được một hoặc hai người.

“Khi kiếp sắp hết, vòng quay của mặt trời và mặt trăng trở nên ngắn hơn và mạng sống của con người giảm lại. Bốn mươi tuổi

đầu đã bạc . Đàn ông dâm dục, cạn kiệt tinh dịch nên sẽ chết trẻ, thường là trước 60 tuổi. Khi mạng sống của nam giới giảm, thì mạng sống của nữ giới tăng đến 70, 80, 90 hoặc đến 100 tuổi.

«Những dòng sông lớn sẽ dâng cao bất thường không đúng với chu kỳ tự nhiên, nhưng con người không để ý hoặc không quan tâm. Khí hậu khắc nghiệt được xem là điều bình thường. Người các chủng tộc lại tạp lẫn nhau không phân quý tiện, chìm đắm, trôi nổi như cá rùa kiếm ăn .

«Lúc đó các vị Bồ-tát, Bích-chi Phật, A-la-hán bị chúng ma xua đuổi trục xuất không còn cùng dự trong chúng hội . Giáo lý Tam thừa vẫn được lưu hành ở vùng hẻo lánh, những người tu tập vẫn tìm thấy sự an lạc và thọ mạng kéo dài. Chư thiên sẽ bảo vệ và mặt trăng sẽ chiếu sáng họ, giáo pháp Tam thừa sẽ có dịp hòa nhập và chính đạo sẽ hưng thịnh. Tuy nhiên, trong năm mươi hai năm, kinh Thủ-lăng-nghiêm và Kinh Bát-chu Tam-muội sẽ bị sửa đổi trước tiên rồi biến mất. Mười hai bộ kinh sau đó sẽ dần dần bị tiêu trảm cho đến khi hoại diệt hoàn toàn và không bao giờ xuất hiện lại nữa. Văn tự kinh điển sau đó hoàn toàn không được biết đến, giới y của sa-môn sẽ tự bị biến thành màu trắng.

«Khi giáo pháp của ta sắp biến mất, cũng giống như ngọn đèn dầu tỏa sáng lên trong chốc lát trước khi tàn lụi, chánh pháp cũng bừng sáng rồi suy tàn. Từ đó về sau khó nói chắc được điều gì sẽ xảy ra.

«Thời kỳ này sẽ kéo dài suốt mười triệu năm. Khi Đức Di-lặc sắp thị hiện ở thế gian để thành vị Phật tiếp theo, các cõi nước đều được hoàn toàn an vui. Khí độc sẽ bị tiêu tán, mưa nhiều và đều đặn, năm thứ

cốc loại tươi tốt , cây cối sum suê cao lớn, và loài người sẽ cao đến tám trượng (hơn 24 mét) tuổi thọ trung bình của con người sẽ đến 84.000 năm, chúng sanh được độ khó có thể tính đếm được.»

Ngài A-nan thưa thỉnh Đức Phật :

«Bạch Thế tôn, chúng con nên gọi Kinh này là gì, và làm thế nào để phụng trì kinh ấy?»
Đức Phật bảo :

«Này A-nan, kinh này gọi là Pháp Diệt Tận. Hãy dạy cho mọi người truyền bá rộng rãi kinh này. Những ai truyền bá kinh này, công đức của những người ấy không thể nghĩ bàn, không thể nào tính đếm được.»

Khi bốn chúng đệ tử nghe nói kinh này rồi, họ đều rất đau lòng và buồn tủi, mỗi người đều phát tâm tu đạo để đạt đến quả vị Thánh tối thượng, họ cung kính đánh lễ Đức Phật rồi lui ra.

HẾT



Trang không

Phổ Đồng

*Trăng tà trà quỵện hương môi
Ánh nghiêng chênh chênh bóng rơi trước
thềm
Giờ trang bồi điệp âm thầm
Rơi đi từng chữ nền tàn trang không.*

TRAU DỒI HÀNH XÁ

Đức Đạt Lai Lạt Ma
Chuyên ngữ: Tuệ Uyển

Thời gian không bao giờ chờ đợi hay duy trì tĩnh lặng; nó luôn luôn di động. Khi tôi nhìn lại hai thập niên qua như một thầy tu Đạo Phật và như một hành giả, tôi cảm thấy rằng tôi đã có rất ít sự phát triển tâm linh. Tuy thế, trên một sự quan tâm cẩn thận hơn, tôi nhận ra rằng qua một sự điều tiết liên tục với lòng vị tha, với sự hỗ trợ của tuệ trí, và với một sự thiên tập phân tích trên tính không, đã có, một cách tương đối, một sự thay đổi và cải thiện nào đấy. Ngay cả một sự phát triển tâm vô cùng ít ỏi cũng là tiến triển, và tôi nghĩ đây là một lợi ích vô vàn trong sự minh chứng của tâm linh hòa bình. Điều này hóa ra có một tác động tích cực trên sức khỏe. Do thế, bất cứ một khối lượng nào của sự phát triển tinh thần cũng hữu ích.

Một Pháp Hội không đơn thuần là một buổi tập hợp xã hội. Nó là một sự nhắc nhở chúng ta rằng trong đời sống con người, tâm linh là quan trọng; nó có ý nghĩa quan trọng. Chữ Dharma hay pháp, là Phạm ngữ, có ý nghĩa bao quát. Trong trường hợp của Pháp Hội - Dharma Celebration, Pháp có nghĩa là Phật Pháp. Đặc trưng cốt yếu của Phật Pháp là để khuếch trương tối đa tính hữu dụng của trí thông minh con người để chuyển hóa những cảm xúc của chúng ta. Đây là một việc kỳ đặc của Phật Pháp.

Tất cả những tôn giáo quan trọng đều hướng đến chuyển hóa cảm xúc khi chúng là những nhân tố thiết yếu trong đời sống của chúng ta. Những trải nghiệm tiêu cực và đau khổ tác động những cảm xúc của chúng ta. Chuyển hóa có nghĩa là bảo tồn hay trong một số trường hợp, tăng cường sức mạnh

những cảm xúc tích cực và giảm thiểu những thứ tiêu cực. Như tôi nói lúc trước, tôi nghĩ tất cả những tôn giáo quan trọng biểu lộ sự quan tâm đến sự chuyển hóa những cảm xúc. Nhưng phương pháp của chúng đề thực hiện việc này không giống nhau. Trong nhiều truyền thống, sự chuyển hóa những cảm xúc xảy ra chính yếu qua niềm tin, là điều mạnh mẽ và trọng yếu.

Một niềm tin mạnh mẽ trong Thượng Đế hay Allah - Hồi Giáo, trong Thần Krishna hay Shiva - Ấn Giáo, hay trong chúa Giê-su - Ki Tô Giáo có thể ảnh hưởng một cách chắc chắn trong những cảm xúc của con người. Chung quy, thông điệp của những thầy lớn căn bản là giống nhau: từ bi, bác ái, tha thứ, bao dung, nguyên tắc và toại nguyện. Đây là những căn bản của các tôn giáo này. Nhưng trong truyền thống Phật Giáo, chúng ta không chỉ có tin tưởng hay kỳ vọng trong Đức Phật, mà chúng ta cũng khảo sát Đức Phật. Chúng ta làm điều này như thế nào? Đức Thế Tôn, Đức Phật lịch sử, đã không còn nữa. Phương cách duy nhất để tìm ra là thẩm tra những giáo huấn của Ngài và khảo sát những môn đồ nhiệt tình của Ngài. Nếu chúng ta thẩm nghiệm xuyên suốt thái độ và suy nghĩ của họ, chúng ta cuối cùng có thể biết loại ảnh hưởng nào mà những giáo huấn của Đức Phật có. Cũng thế, qua học hỏi giáo huấn và cố gắng để tích cực hiện thực trong trải nghiệm của chúng ta, chúng ta chung cuộc có thể phát triển một loại tin tưởng ôn cố nào đấy. Sự tin tưởng ấy không chỉ đến từ niềm tin mà qua sự khảo sát của chúng ta trong khi sử dụng sự thông tuệ của chúng ta.

Tuệ trí không chỉ là tri thức; nó là kiến thức đầu tiên qua nghe (văn), thứ hai qua phân tích ý nghĩa qua lý trí (tư), và rồi nối kết nó vào kinh nghiệm của chúng ta (tu). Cuối cùng, đến niềm tin vững chắc của chúng ta. Lòng vị tha được tìm thấy trong mọi truyền thống, nhưng sự phối hợp của lòng vị tha với tuệ trí hay thông minh là đặc thù của Phật Pháp. Khi tôi nói đặc thù, tôi không muốn nói Phật Pháp là tốt nhất. Câu hỏi pháp nào là tốt nhất thì khó khăn để trả lời. Nó giống như thực phẩm. Chúng ta không thể nói một loại thực phẩm đặc biệt nào là ngon nhất. Thức ăn liên hệ đến những hương vị vật chất khác nhau và đến khẩu vị của những cá nhân khác nhau của người thưởng thức nó. Đối với một số người, Ấn Độ khâu vị là nóng và cực kỳ cay. Đối với những người khác, chúng là ngọt ngào. Phán xét những gì tuyệt hảo được thực hiện tùy thuộc đến một số trường hợp đặc biệt. Tương tự thế, tôi nghĩ, công nhận tôn giáo nào là tốt nhất phải được căn cứ trên những lợi ích đạt được bởi mỗi cá nhân hành giả.

Cho nên, khi khía cạnh tôn giáo được quan tâm đúng mức, tôi tin rằng tất cả mọi truyền thống không nhiều thì ít giống nhau. Tất cả đều lo lắng đến niềm hạnh phúc và điều tốt đẹp của con người. Tất cả mọi giáo huấn tôn giáo cố gắng để thúc đẩy hay tăng cường những giá trị tích cực của nhân loại. Khía cạnh ấy căn bản giống nhau trong mọi truyền thống. Tuy nhiên, khía cạnh triết lý là một phần năng động khác của các tôn giáo. Ở đây chúng ta thấy rằng có một sự khác biệt lớn lao. Phật Pháp, đặc biệt là truyền thống Na Lan Đà là rất phức tạp và vi tế. Tôi nghĩ, nền tảng triết lý trong sự lưu tâm đúng mức, là rất phong phú. Trong Phật Pháp, truyền thống Pali và Phạn ngữ một cách triết lý là phức tạp nhất.

Tôi cảm thấy phương cách tốt nhất để giới thiệu Phật Pháp Tây Tạng là qua truyền thống Na Lan Đà, bởi vì mọi kinh luận quan trọng đều được biết. Thí dụ, vào lúc sáu hay bảy tuổi tôi đã bắt đầu - hầu như miễn cưỡng - để học hỏi những kinh luận này bằng trái tim. Khi chúng tôi học hỏi tất cả những kinh luận được viết bởi những đạo sư của Na Lan Đà như Long Thọ, Vô Trước, Nguyệt Xứng, v.v..., trong sự trọn vẹn của chúng, như một sự trải rộng của Phật Pháp, chúng tôi có thể thấy rằng truyền thống Na Lan Đà đã công hiến một cách to lớn đến khía cạnh triết lý của Phật Pháp. Bộ phận nghi thức, phần mà người Tây Tạng sử dụng chập chỏa và thổi những chiếc kèn to tướng không phải từ Na Lan Đà. Một số lễ lạc này, những pháp khí nghi lễ, tôi nghĩ đến từ A Phú Hãn hay Trung Hoa.

Tôi trở lại vấn đề -- chúng ta có thể phát triển lòng tin qua việc sử dụng trí thông minh của con người một cách tối đa như có thể và qua lòng từ bi của chúng ta. Lòng tin chắc đem đến nhiệt tình mà lòng nhiệt tình đem đến sự hoạt động cần mẫn. Chúng ta trở nên quen thuộc với những việc thực hành đạo đức, và điều này có một tác động lớn lao trong thế giới cảm xúc của chúng ta. Đây là cung cách của Đạo Phật. Khi người ta hỏi những câu hỏi về các phương pháp dễ dàng nhất hay cách tốt nhất, tôi phải khó khăn để trả lời cho họ. Tôi nghĩ người ta thường hỏi những câu về cung cách đơn giản nhất hay dễ dàng nhất vì lười biếng hay thiếu can đảm. Những câu hỏi như vậy thì được, thí dụ, quý vị nấu nướng. Quý vị có thể hỏi về phương pháp dễ nhất hay có thể là cách rẻ tiền nhất. Nhưng cho đến khi mà việc chuyển hóa những cảm xúc của chúng ta được quan tâm, những câu hỏi này là không thích đáng. Hãy nhìn vào Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni, vị thầy của chúng ta.

Thuật lại một cách rõ ràng rằng Ngài đã trải qua ba vô số kiếp thực hành để đạt đến thể trạng giác ngộ. Và những vị đạo sư Na Lan Đà --- những thành tựu giả như Tilopa và Naropa, và những đạo sư Tây Tạng như Milarepa và Tông Khách Ba -- đã dành nhiều năm trong những nơi hẻo lánh chịu đựng vô số gian khổ nhằm để chuyển hóa những cảm xúc của họ.

Những cảm xúc của con người mà chúng ta trải nghiệm ngày nay và muốn để chuyển hóa cũng giống với những thứ đã hiện hữu khoảng hai hay ba nghìn năm về trước. Nếu chúng ta so sánh những cảm xúc con người đã tồn tại hàng trăm nghìn năm về trước hay một triệu năm về trước với những con người hiện tại, chúng ta sẽ thấy một số khác biệt nào đây trong họ do bởi sự gia tăng trí thông minh của con người. Trong tương lai, nếu chúng ta tồn tại vài trăm nghìn năm nữa, có lẽ cảm xúc của con người sẽ khác biệt. Chúng ta có thể thay đổi thể trạng tâm thức hay cảm xúc của chúng ta nếu chúng ta sử dụng trí thông minh của chúng ta và được hướng dẫn bởi những người như Long Thọ và Tịch Thiên. Nếu chúng ta khuếch trương một tâm vị tha là mục tiêu của chúng ta, tôi nghĩ rằng quyền sách của Tịch Thiên là tuyệt nhất. Cho sự thấu hiểu thực tại rất rõ, Trung Luận Bản Tụng của Long Thọ là trong số nhất hạng, cũng là Nhập Trung Luận của Nguyệt Xứng.

Nói một cách tổng quát, trong thế giới ngày nay, việc chấp nhận lẫn nhau đang cải thiện. Như một người tin tưởng trong những giá trị của tôn giáo và tâm linh, tôi nghĩ hòa hiệp và thống nhất là thiết yếu. Những giá trị này sẽ hiện hữu nếu chúng ta tôn trọng lẫn nhau. Sự tôn trọng chân thành sẽ hiện diện nếu chúng ta tiếp xúc với nhau và đi đến thấu hiểu những giá trị của nhau nhiều hơn.

Chúng ta phải khuếch trương lòng ngưỡng mộ và hiểu rõ giá trị lẫn nhau. Tất cả mọi truyền thống tôn giáo, qua một thời gian của nhiều thế kỷ, đã làm nên những sự công hiến để phát triển những giá trị của con người và hòa bình của tâm thức. Tất cả mọi truyền thống tôn giáo đã ban cho niềm hy vọng và trao truyền cảm hứng đến hàng triệu người, và điều ấy quá đầy đủ để được lòng ngưỡng mộ của chúng ta.

Tuy nhiên, như tôi đã đề cập phía trước, chúng ta vẫn đang trải nghiệm những rắc rối trong những con người thuộc những tôn giáo khác nhau. Những sự kiện như vậy cho thấy rằng chúng ta cần một nỗ lực bền bỉ để đối diện những thử thách mới. Chúng ta không thể quy lỗi một cá nhân cho những gì xảy ra trong thế giới chúng ta. Tôi nghĩ chúng ta nên quy trách nhiệm cho toàn thể xã hội. Xã hội sản sinh ra những linh tụ và những nhà chính trị của chúng ta, và nếu chúng ta cố gắng để phát triển một xã hội từ bi hơn và thương mến hơn, chúng ta sẽ có những con người với bản chất tự nhiên hòa bình hơn. Những linh tụ, những nhà chính trị, và những thương gia đến từ một xã hội như vậy sẽ công hiến hy vọng cho một thế giới tốt đẹp hơn. Trách nhiệm lâu dài của chúng ta -- trách nhiệm của mỗi người, cho dù họ là những người tín ngưỡng hay không tín ngưỡng - là để tìm ra những phương cách để thúc đẩy một xã hội hòa bình và từ bi.

Tôi nghĩ một cung cách khá giản dị. Mỗi cá nhân phải cố gắng để bảo đảm hòa bình và từ bi yêu thương trong gia đình họ. Nối kết mười gia đình hòa bình từ bi với nhau, hay một trăm, và đây là một cộng đồng. Trẻ con trong một xã hội như thế sẽ tiếp nhận ảnh hưởng trong gia đình của chúng và trong trường học của chúng từ những nhà giáo dục quan tâm. Chúng ta có thể có một hay hai sự

thất bại, nhưng một cách tổng quát tôi nghĩ chúng ta có thể phát triển một xã hội có ý thức. Có ý thức ở đây có nghĩa là một ý thức cộng đồng, một cảm nhận trách nhiệm, và một ý nghĩa của chí nguyện công hiến.

Bây giờ, về hành xả[1]. Những gì khuấy nhiễu tâm thức chúng ta, một cách chính yếu là những cảm xúc phiền não như thù hận và dính mắc. Và một trong những đối trị có thể làm nhẹ bớt và giảm thiểu những cảm xúc như thế là thực tập hành xả. Ở đây, chúng ta không nói về hành xả với sự không hiện diện của cảm giác hay với sự dừng dưng vô cảm. Chúng tôi muốn nói tính nhạy cảm đến những kinh nghiệm của sự tích cực và tiêu cực và có thể phân biệt giữa đúng và sai. Người ta có thể tiếp nhận một lối sống mà trong ấy người ta yêu mến những giá trị tích cực và cố gắng để xa lánh những thứ tiêu cực. Chúng tôi nói về hành xả trong ý thức của việc làm nhẹ bớt dính mắc và thù hận.

Tôi cảm thấy rằng hành xả có thể được thực hành cả bởi những người nào đầy với một quan điểm tôn giáo và bởi ai đầy không tham gia bất cứ một truyền thống tôn giáo nào. Cũng giống với sự trau dồi những phẩm chất tích cực như từ ái và bi mẫn: chúng có thể căn cứ trên lý trí và sự thông hiểu từ một truyền thống tôn giáo đặc thù, hay có thể được phát triển mà không có bất cứ một căn bản tôn giáo nào. Một cá nhân hành giả có thể phát triển từ ái và bi mẫn bằng việc suy nghĩ rằng qua những sự thực tập như thế, người ấy sẽ đạt đến giác ngộ bởi vì Đức Phật đã dạy con đường này. Nói cách khác, một người có thể phát triển những phẩm chất như thế nghĩ rằng sự phát triển từ ái và bi mẫn sẽ mang đến một tinh thần an lạc, thân thể khỏe mạnh, hay hòa hiệp và an bình trong gia đình người ấy. Loại lý trí này không căn cứ trên bất cứ truyền thống tôn giáo nào cả.

Trong việc phát triển hành xả, chúng ta cần thấu hiểu rằng những cảm xúc tiêu cực như thù hận và dính mắc là không thích đáng và không lành mạnh bởi vì chúng là thành kiến và cục bộ. Khi tâm thức chúng ta cục bộ, chúng ta sẽ không thể nhìn thấy thực tại và sẽ không khách quan. Với loại thấu hiểu này, chúng ta có thể tăng cường hành xả. Nhiều rắc rối mà chúng ta chạm trán và nhiều khó khăn chúng ta đối diện là bởi vì chúng ta không thể thấy thực tại một cách rõ ràng. Thái độ thành kiến tinh thần hay cục bộ là một trở lực và chướng ngại lớn để nhận thức thấu đáo thực tại. Thí dụ, thực tại rằng mọi vật phụ thuộc những nguyên nhân và yếu tố khác nhau: mọi thứ là nối kết với nhau, phụ thuộc với nhau và liên hệ với nhau. Khi chúng ta có thể thấy thực tại này, sau đó những rắc rối sinh khởi bởi vì chúng có khuynh hướng chỉ lấy ra một nhân tố - cho dù nó là kinh nghiệm hạnh phúc hay những rắc rối và khó khăn - và cố gắng để sử dụng nó để giải thích một hoàn cảnh phức tạp. Chúng ta có khuynh hướng nêu bật chỉ một trong nhiều nhân tố và tập trung độc nhất trên một nguyên nhân đặc thù hay nhân tố ấy. Do bởi điều này, chúng ta không thể giải quyết nhiều vấn đề đối trước chúng ta. Trong thực tế, thay vì giải quyết những khó khăn, đôi khi chúng ta tạo thêm những thứ rắc rối khác.

Để đối phó với một vấn nạn đặc thù, điều quan trọng là chuẩn bị một cách tinh thần cho chính mình để thấu hiểu thực tại của một hoàn cảnh và để có thể thấy thực tế một cách khách quan. Một trong những nhân tố chính gây trở ngại cho chúng ta trong việc thấy tính khách quan của một hoàn cảnh là tính cục bộ của tâm thức và thể trạng thiên vị của nó. Chúng ta có thể thấy tại sao thực tập hành xả là rất quan trọng. Cũng thế, cảm nhận phổ thông là cần thiết để xử lý những

hoàn cảnh khó khăn. Khi chúng ta đứng trước những hoàn cảnh phức tạp và cố gắng để giải quyết những vấn đề cố hữu trong chúng, điều quan trọng là có một thái độ thánh thiện hơn là một tâm tư hẹp hòi. Một cách đặc biệt trong thế giới ngày nay, một thái độ thánh thiện thật quan trọng. Nếu chúng ta chỉ tập trung trên những sự quan tâm của gia đình chúng ta và quên đi những người khác, hay nếu chúng ta tập trung chỉ chú ý đến quốc gia chúng ta mà xem nhẹ những xứ sở còn lại, thì sẽ không thể đạt được nền hòa bình và hạnh phúc miên viễn. Nếu chúng ta để những cảm xúc phiền não không chế tâm tư chúng ta, tâm thức chúng ta sẽ trở nên thành kiên và cục bộ; nó sẽ khập khiễng, thiên vị một bên. Rồi thì chúng ta sẽ không thể phát triển một sự tiếp cận thánh thiện.

Đối với những ai chấp nhận những truyền thống tôn giáo, chúng ta thấy rằng họ sẽ rơi vào hai đặc trưng khác nhau. Một tập trung trên niềm tin trong một đáng tạo hóa; và thứ kia - kể cả Đạo Phật, Kỳ Na Giáo và một phần của truyền thống Số Luận - tập trung trên sự tự sáng tạo. Đối với một số người chấp nhận đáng tạo hóa, Thượng đế, có một cơ hội rộng rãi để phát triển ý thức hành xả. Khi người ta thấu hiểu mọi thứ được tạo dựng bởi Thượng đế, sau đó người ta thấy tất cả những tạo vật đến từ một cội nguồn căn bản. Để cho việc phát triển tính hành xả, quan điểm này là hữu dụng một cách đặc biệt khi người ta đứng trước một kẻ gọi là tạo nên rắc rối, một kẻ thù. Thông thường, chúng ta mệnh danh cho một người hay một nhóm người như một "kẻ thù" khi, dưới những hoàn cảnh đặc thù, họ tạo nên những vấn nạn cho chúng ta. Nhưng nếu chúng ta thấy một người từ quan điểm rộng rãi hơn và nhận ra rằng người ấy là một bộ phận của nhân loại và một phần sự tạo dựng của

Thượng đế, những cảm nhận tiêu cực của chúng ta sẽ giảm bớt lại. Quan điểm này có thể hữu ích trong việc phát triển hành xả.

Đôi khi những người tôn giáo như chúng ta, kể cả chính tôi, chọn lựa những nhận thức nào phù hợp với chúng ta và quên đi những thứ không tiện lợi. Đối với những ai tin tưởng trong Thượng Đế hay trong một đáng tạo hóa, tôi yêu cầu họ đặt nhấn mạnh hơn trong sự bình đẳng của tất cả chúng sinh và tập trung hơn trên trái đất này, hành tinh này. Nếu một đáng tạo hóa đã tạo ra tất cả những chúng sinh trên trái đất này, thì sự phân biệt không có chỗ trú. Sẽ không có những sự khác biệt trên căn bản của màu sắc [của làn da], quá khứ xã hội, hay, một cách đặc thù trên xứ sở [Ấn Độ] này, về [sự phân chia] đẳng cấp.

Theo tư tưởng Ấn Độ cổ xưa, vai trò của nghiệp báo là thiết yếu trong việc thực hành hành xả, và Đạo Phật chia sẻ quan điểm này. Ở chỗ này, hành xả có nghĩa là không tăng cường chấp trước quá vào một thứ, và đồng thời, không khuếch trương sự thù ghét với người khác. Trong tư tưởng Ấn Độ cổ xưa, việc phát triển loại hành xả này căn cứ trên sự thấu hiểu khái niệm nghiệp báo. Khái niệm này hàm ý rằng mọi thứ chúng ta như thể nào hôm nay, những tư tưởng tích cực và tiêu cực mà chúng ta có, và những khía cạnh cùng biểu hiện khác biệt mà chúng ta thực hiện, là một kết quả của những gì chúng ta làm trong quá khứ. Một khi chúng ta phát triển sự thấu hiểu như vậy, chúng ta sẽ quán xuyên một cách dễ dàng hơn những sự chạm trán của chúng ta với người khác - ngay cả những thứ bất toại ý. Chúng ta sẽ nhận ra rằng những gì chúng ta đang chạm trán mà một người đang biểu hiện ngay bây giờ là kết quả của nghiệp báo của họ. Chúng ta có thể quy lỗi cho nghiệp tiêu cực hơn là đổ lỗi

cho cá nhân con người. Trong cách này, chúng ta có thể phát triển hành xả. Cũng thế, niềm tin cổ xưa của Ấn Độ về sự hiện hữu của những đời sống quá khứ và đời sống tương lai hỗ trợ trong việc chạm trán với những người được gọi là kẻ thù trong kiếp này. Thay vì nghĩ rằng một người nào đây đang tạo nên những rắc rối cho chúng ta, chúng ta tập trung trên vấn đề rằng trong quá khứ, người ấy có thể là người bạn thân của chúng ta hay một người thân quyến gần gũi. Thế thì không dễ gán cho người ấy danh hiệu như một kẻ thù.

Trong Phật Pháp, đặc biệt trong truyền thống Đại thừa hay truyền thống Phạm ngữ, tất cả mọi chúng sinh đều có Phật tính. Do vậy, khi chúng ta đối diện với những rắc rối trong cư xử với người khác, chúng ta hãy nhớ rằng họ cũng là những chúng sinh như chúng ta và có Phật tính. Bản chất căn bản tự nhiên của mọi người là thanh tịnh. Sự tin tưởng này sẽ làm lắng dịu tâm tư chúng ta và sẽ làm giảm thiểu những cảm nhận tiêu cực.

Một phương pháp đầy năng lực khác của việc đạt đến hành xả là tăng cường sự nhận thức rằng chúng ta muốn hạnh phúc - hạnh phúc tối đa, hạnh phúc loại tốt nhất. Chúng ta không muốn khổ đau và không thể chịu đựng ngay cả một rắc rối nhỏ bé nhất hay một nỗi khổ sở nhỏ nhoi nhất. Giống như chúng ta có nguyện ước bẩm sinh về hạnh phúc và khổ đau, mọi người khác cũng thế. Chúng ta phải có thể thấu hiểu rằng nguyện vọng này hiện diện trong mỗi người.

Trong sự thực hành Phật Giáo, khi chúng ta nói về phát triển hành xả, chúng ta liên hệ đến hai trình độ. Trên trình độ thứ nhất, chúng ta thấu hiểu rằng chúng ta không nên tăng cường một sự vướng mắc đặc biệt đến

một nhóm người người nào đây và thù hận đối với một nhóm khác. Thay vì thế, chúng ta phát triển một thể trạng tinh thần bình đẳng, vô tư. Một số thí dụ mà tôi đã đưa ra để làm sáng tỏ tiến trình phát triển hành xả trong trình độ này, đây là, đạt đến một vị trí, nơi mà chúng ta không có bất cứ sự vướng mắc, chấp thủ đặc biệt nào đến một nhóm và thù ghét một nhóm khác. Những thí dụ này chỉ đến những thứ hiện hữu liên hệ với nhau, đến mỗi người bị ảnh hưởng bởi những cảm xúc phiền não, và đến luật nghiệp báo làm mọi người đau khổ.

Trên trình độ thứ hai của hành xả, chúng ta mong ước làm lợi ích cho mọi người bất chấp những cảm giác xa lạ hay gần gũi. Để củng cố điều này, chúng ta phản chiếu trên sự kiện rằng mọi người, giống như chính chúng ta, muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau. Chúng ta cố gắng để nhớ rằng tất cả chúng ta có cùng bản chất và có cùng những sự thôi thúc và mong ước. Để hỗ trợ và làm lợi ích những chúng sinh khác, chúng ta không tách riêng và cô lập đối với họ. Chúng ta không làm những sự phân biệt trong chúng. Không với cảm giác xa cách và không với cảm nhận gần gũi, chúng ta có thể phát triển một tâm thức năng động, nguyện ước làm lợi ích cho mọi người mà không phân biệt. Chúng ta có thể tăng cường sự thực tập hành xả này bằng việc phản chiếu trên những kết quả phá hoại của thái độ vị kỷ và những kết quả tích cực của lòng vị tha cùng yêu mến lợi ích của những chúng sinh khác. Để làm giảm thiểu thái độ ích kỷ và để phát triển lòng vị tha, chúng ta nên đọc Hướng Dẫn Lối Sống Bồ Tát của Tôn Giả Tịch Thiên. Ở đây, chúng ta có thể thấy vô số thí dụ về việc tại sao những sự thực hành như vậy nên được hoàn thành và chúng có thể được phát triển như thế nào. Nếu chúng ta học hỏi và quán chiếu trên giáo huấn

Hướng Dẫn Lối Sống Bồ Tát và trên những rắc rối và các xung đột trên thế giới hiện nay, chúng ta có thể thấu hiểu một cách dễ dàng những lợi ích của lòng vị tha và tai hại của tính ích kỷ.

Thiền quán về tính không lợi ích cho việc phát triển hành xả. Để thấu hiểu pháp thiền quán này hỗ trợ như thế nào, hãy phản chiếu trên việc những cảm xúc phiền não gây tổn hại cho chúng ta như thế nào. Thí dụ, hãy nghĩ về những kết quả tại hại của sân hận và thù oán. Khi chúng ta khuếch trương sân hận và thù oán, nó không chỉ tàn phá sự an bình tâm thức của người khác, mà nó cũng gây tổn hại không nhỏ cho chúng ta. Thù oán và sân hận thường ở dưới những hình thức kích động và biểu lộ trong những cung cách bạo động. Tuy nhiên, khi chúng ta phản chiếu trên những loại cảm xúc phiền não khác như vương mắc, chấp thủ, chúng dường như tế nhị và xuất hiện đến chúng ta như những người bạn, nhưng chúng cũng rất tàn phá.

Khi chúng ta tăng cường vương mắc, nó có thể liên hệ đến những sở hữu - thí dụ, cái này của tôi hay người này thuộc về tôi - và nó cũng có thể liên hệ đến chính chúng ta, "cái tôi" mà ta nghĩ là ta. Sự vương mắc đến "cái tôi" sinh khởi bởi vì chúng ta nhận thức chúng ta như điều gì đấy cụ thể, chủ quan, và tồn tại trên chính nó. Do bởi sự bám víu hay chấp trước này đến chính mình một cách kiên cố mà một sự vương mắc khác phát triển. Tương tự thế, khi chúng ta biểu hiện ra thù hận, chúng ta có khuynh hướng thấy đối tượng của sự thù ghét như điều gì đấy độc lập và cụ thể. Thí dụ, hãy để chúng tôi nói rằng bạn giận hờn với một ông Gupta nào ấy. Nếu bạn giận dữ với ông Gupta và nghĩ rằng ông ta ngu si và ngớ ngẩn, ngay tại điểm ấy, bạn đang thấy ông ta là một đối

tượng, như độc lập và cụ thể. Nhưng nếu bạn dừng lại và hỏi, "Ông Gupta này ở đâu? Ông ta là ai? Ông Gupta là tâm thức hay thân thể ông ta? Nếu chúng ta thực hiện một tí phân tích, chúng ta sẽ thấy rằng không thể xác định ông ta. Và khi chúng ta không thể nhận ra rằng thứ nào chúng ta nghĩ đã tồn tại một cách cụ thể, sự chấp trước cứng nhắc của chúng ta đã giảm bớt. Tương tự thế, khi chúng ta bị dính mắc quá độ đến một người đặc biệt nào đấy, nếu chúng ta dừng lại và hỏi cũng câu hỏi như thế, chúng ta sẽ thấy rằng chúng ta không thể xác định một con người hiện hữu một cách cụ thể. Mặt khác, điều này làm thư giãn sự chấp trước mạnh mẽ của chúng ta. Việc cũng đúng như thế nếu chúng ta phân tích sự chấp trước mạnh mẽ mà chúng ta có cho chính chúng ta như một "cái tôi" cá nhân.

Nếu chúng ta dừng lại và hỏi, "'Cái tôi' này ở chỗ nào? 'Cái tôi' này hướng tới chôn nào mà tôi có một sự chấp trước mạnh mẽ như vậy?" chúng ta sẽ không tìm ra nó. Điều ấy sẽ khiến chúng ta tự hỏi rằng chúng ta đã có thể tăng cường một sự chấp trước mạnh mẽ như vậy đối với điều gì đấy như thế nào mà chúng ta thậm chí không thể xác định được. Trong cách này, bằng việc thấy sự vô ngã của chính mình, chính mình vô vị kỷ, chúng ta có thể giảm thiểu khuynh hướng của những cảm xúc phiền não như thù hận và dính mắc. Khi chúng ta nói về vô ngã vị tha, không có nghĩa là không có sự tồn tại của tự ngã. Đúng hơn, nó có nghĩa là không có tự ngã với một bản chất chủ quan độc lập.

Với việc quan tâm đến sự phát triển một loại đối trị để giảm thiểu chấp trước tự ngã, chúng ta có thể nhìn vào ý nghĩa của vô ngã trong những hệ thống Phật Giáo khác nhau. Trong tư tưởng Đạo Phật, chúng ta nói về việc phản chiếu trên ý nghĩa vô ngã của mọi

hiện tượng. Ở đây, chúng ta không nói về vô ngã như sự vắng bóng sự tồn tại cố hữu của một người (vô tự tính). Chúng ta nói về nó trong sự liên hệ đến đối tượng được sử dụng và được áp dụng bởi con người. Cho dù nó là đối tượng được thụ hưởng, hay con người thụ hưởng đối tượng, thực tại là giống nhau: không có sự tồn tại cố hữu độc lập. Quan điểm này về vô ngã được trình bày chi tiết trong Duy Tâm hay Duy thức, trường phái về tư tưởng. Theo trường phái này, không có đối tượng hiện hữu ngoại tại: mọi thứ ở trong tâm thức. Chúng ta không kinh nghiệm bất cứ đối tượng nào mà về thực chất tách rời khỏi tâm thức.

Lấy thí dụ về việc áp dụng thức cảm giác, cái thấy của chúng ta. Khi nhãn thức, cái thấy của mắt tập trung trên một đối tượng đặc thù, như một bông hoa, Duy Thức giải thích rằng đối tượng xuất hiện đến chúng ta như có một sự tồn tại cụ thể độc lập, bất chấp những quy trình của tâm thức. Họ nói rằng khi một cảm giác đặc thù, giống như cái thấy của mắt, chú ý đến một đối tượng, có ba loại hiện hữu hay ba kiểu mẫu của nhận thức sinh khởi. Thứ nhất là thấy một bông hoa như là một bông hoa. Thứ hai là để thấy bông hoa như căn bản của ngôn ngữ, như căn bản sự liên hệ của danh xưng, bông hoa. Thứ ba là thấy bông hoa như có một sự tồn tại cố hữu hay khách quan từ chính phía của nó; chúng ta không chỉ thấy bông hoa như chủ thể áp dụng của danh xưng, mà chúng ta cũng thấy chủ thể như có một sự tồn tại cố hữu. Khi Duy Thức giải thích ba trình độ của nhận thức này, họ nói rằng chúng sinh khởi qua sự khởi động của ba loại dấu vết. Về việc thấy bông hoa như bông hoa, thí dụ, họ nói rằng chúng ta có thể thấy bông hoa như bông hoa do bởi sự khởi động của một dấu vết phù hợp, một loại dấu vết tương tự.

Theo trường phái Duy Tâm về tư tưởng; không có điều gì có sự hiện hữu ngoại tại; mọi thứ về thực chất là giống với tâm thức, cũng là tâm thức mà thôi. Tuy thế, khi chúng ta liên hệ đến một đối tượng như một bông hoa, chúng ta có thể thấy nó ở trong ba cách. Và khi chúng ta thấy bông hoa có một sự hiện hữu độc lập, chúng ta sai lầm. Nếu chúng ta cố gắng để bảo vệ sự hiểu biết sai lầm này, chúng ta có thể làm như vậy bằng nói rằng có một bông hoa về thực chất tách biệt với thức cảm giác bởi vì chúng ta có thể thấy sự tồn tại của bông hoa bên ngoài thức cảm giác. Trường phái Duy Tâm về tư tưởng đáp ứng bằng việc nói rằng sự nhìn thấy của chúng ta về thực chất tách rời khỏi tâm thức là do bởi sự thức dậy của những dấu vết sai lạc, những chủng tử lưu lại bởi sự chấp trước tự ngã của cá thể ấy từ những kiếp sống trước. Trong cách này, họ kết luận rằng không có đối tượng nào hiện hữu ngoại tại. Bông hoa và tâm thức nhận định bông hoa về thực chất là giống như nhau, là một.

Bây giờ chúng ta lưu tâm đến tư tưởng của trường phái Trung Đạo. Nó đối đầu với trường phái Duy Tâm bằng việc nói rằng, "Vâng, nhận thức của quý vị về việc thấy mọi thứ về thực chất cũng như là tâm thức (vật tức là tâm) sẽ giúp để giảm thiểu sự phát triển dính mắc và ghét bỏ đối với những đối tượng ngoại tại, nhưng còn về chính tâm thức thì như thế nào? Làm thế nào quý vị giảm thiểu sự dính mắc và thù hận đối với chính tâm thức?" Trường phái Trung Đạo cho rằng đối tượng ngoại tại và tâm thức nội tại là như nhau, đồng đẳng (tâm vật bình đẳng); không bên nào có sự tồn tại cố hữu (vô tự tính). Nếu mọi vật tồn tại một cách độc lập, sẽ không có sự khác biệt hay khoảng cách giữa hiện tượng và thực tại. Tuy nhiên, trong đời sống chúng ta, chúng ta chạm trán vô số kinh nghiệm của sự khác

biệt giữa hiện tượng và thực tại. Do thế, không có sự phân biệt có thể hiện thực giữa đối tượng và tâm thức. Vô ngã được trình bày trong cách này bởi trường phái tư tưởng Trung Đạo. Bằng việc tăng cường sự thấu hiểu này về vô ngã, chúng ta có thể nhận ra rằng vì không có đối tượng và không có tâm thức khách quan để xác định và nắm bắt, nên không có căn bản để củng cố sự chấp trước trên ấy.

Đức Phật dạy về những gì được biết là bốn tuyên bố của Đạo Phật hay bốn pháp ấn: tất cả những hiện tượng duyên sinh là vô thường (chư hành vô thường), tất cả những sự kiện nhiễm ô là khổ đau (nhất thiết hành khổ), tất cả những hiện tượng là vô ngã và trống rỗng (chư pháp vô ngã), và niết bàn hay giải thoát là hòa bình (niết bàn tịch tĩnh). Bằng việc thông hiểu những tuyên bố này của Phật Giáo, chúng ta có thể đạt đến những tầng bậc khác nhau của hành xả (sự buông bỏ những nhận thức chấp trước). Thí dụ, trong việc thấu hiểu lời dạy đầu tiên rằng tất cả những hiện tượng duyên sinh là vô thường, chúng ta nhận ra rằng mọi thứ được sinh ra, và chúng là nhất thời và vô thường. Bằng việc thấu hiểu rằng tất cả mọi hiện tượng là cùng một trình độ vì chúng là vô thường, chúng ta có thể buông bỏ những điều ràng buộc trong tâm thức, chúng ta có thể trau dồi hành xả. Cũng từ nhận thức ấy mà *Hướng Dẫn Lối Sống của Bồ Tát* của Tôn giả Tịch Thiên hỏi làm thế nào một vật vô thường có thể phát triển thù hận đối với một thứ khác mà cũng là vô thường và nhất thời một cách như nhau. Tương tự thế, điều giáo huấn thứ hai, nói rằng tất cả mọi thứ nhiễm ô là khổ đau, có nghĩa rằng giống như tâm thức tôi ô trược và nhiễm bản và khổ đau là một phần bản chất của tôi, được áp dụng đến tất cả mọi người khác giống như vậy. Rồi thì tôi phải hỏi, làm sao tôi có thể ghét bỏ hay

dính mắc những người khác khi tất cả chúng ta là như nhau.

Thấu hiểu rằng mọi hiện tượng là vô ngã và trống rỗng đưa đến cùng kết luận. Khi chúng ta nói về niết bàn như hòa bình, hay giải thoát như thể trạng của hòa bình hoàn toàn, chúng ta nhận ra rằng mọi người đều sở hữu một Phật tính và có thể tăng cường hành xả một cách dễ dàng.

Do vậy, để xây dựng hành xả, trước nhất chúng ta phải đạt đến tri thức ấy, và rồi thì qua sự tỉnh thức và kinh nghiệm, phát triển niềm tin vững chắc. Đây là một phương pháp thích đáng để thực hành. Cuối cùng, tác động trên những cảm xúc của chúng ta sẽ bị rơi rụng.

HỎI ĐÁP

HỎI: *Có sự khác biệt nào giữa tâm linh quang và Phật tính?*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Chúng là giống nhau. Phật tính có thể là bản chất trống rỗng của tâm thức, mà trong trường hợp nào nó không là một thức. Nó cũng liên hệ đến tâm tịnh quang nguyên sơ là điều liên hệ hơn đến giáo huấn mật thừa tantra.

HỎI: *Có phải thiền quán chiếu tuệ minh sát hay vipassana là con đường duy nhất để giác ngộ không?*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Tùy thuộc vào ý nghĩa của chúng ta về giác ngộ là gì. Trên một trình độ, chúng ta nghĩ về một tâm giác ngộ như thể hiện phức tạp hơn hay thông tuệ hơn. Nhưng tôi nghĩ giác ngộ có những trình độ đa dạng. Cũng thế tuệ minh sát có những sự đa dạng và trong khi một số hình thức nào đấy là hữu ích trong việc đạt đến những hình thức nào đấy của giác ngộ, thật khó

khăn đê nói, không có sự hạn chế, rằng qua tuệ minh sát người ta có thể đạt đến giác ngộ. Đây là một câu hỏi khó.

HỎI: *Tại sao năng lực của xấu ác lại to lớn hơn thánh thiện?*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Tôi không nghĩ điều này là sự thật. Năng lực của xấu ác đôi khi là rất mạnh mẽ, nhưng chỉ tạm thời. Về lâu về dài, tôi không nghĩ nó hùng mạnh hơn thánh thiện.

HỎI: *Tự ngã và tự trọng là hai cảm xúc xung đột nổi bật trong bản chất con người. Người bình thường rút ra những giá trị tích cực từ hai cảm nhận này qua việc áp dụng hành xử như thế nào?*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Trước nhất, tôi không nghĩ tự ngã và tự trọng nhất thiết là những thuật ngữ mâu thuẫn. Khi chúng ta nghĩ về việc phát triển những phẩm chất tích cực như tâm giác ngộ (bodhicitta) hay vị tha, chúng ta nhận ra rằng chúng ta cần một cảm giác mạnh mẽ của tự ngã và tự trọng. Tôi cho rằng chúng ta có thể nói có hai loại tự ngã. Một là tích cực. Một thí dụ của điều này là khi chúng ta phát triển tự ngã của chúng ta, nghĩ rằng chúng ta phải đạt đến giác ngộ để có thể làm lợi ích cho tất cả những chúng sinh khổ đau. Một trong những lời nguyện cầu tôi mến chuộng là, "Khi không gian còn tồn tại, tôi sẽ hiện hữu." Ở đây, chúng ta cần một ý thức mạnh mẽ của 'cái tôi', một tự ngã mạnh mẽ nhằm để hữu dụng cho người khác. Nhưng tự ngã tiêu cực là lòng vị kỷ cực đoan. Tự ngã ấy đưa đến việc làm tổn hại và khai thác người khác.

HỎI: *Ai là đấng tạo hóa, ai tạo ra đấng tạo hóa, và tại sao?*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Đối với những

người Phật tử, đây là vấn đề: một đấng tạo hóa xuất hiện như thế nào? Đây là tại sao Phật Giáo đồ không công nhận một đấng tạo hóa. Nhưng, dĩ nhiên, như tôi đã đề cập phía trước, chúng tôi tôn trọng khái niệm và tầm quan trọng của nó với những người khác.

HỎI: *Nếu chúng ta không phát huy lý tưởng ái hay gắn bó (mà cũng là dính mắc), làm thế nào những mối quan hệ phát triển?*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Tình bạn và dính mắc là hai thứ khác nhau. Một trong những người bạn của tôi, một nhà khoa học nguyên tử người Chi lê, một lần đã nói với tôi rằng khi chúng ta tiến hành trong bất cứ sự nghiên cứu và phân tích thuộc phạm vi khoa học nào, chúng ta phải duy trì tính khách quan. Chúng ta phải tiến hành một cách hoàn toàn trong sự phân tích, nhưng cùng lúc ấy, chúng ta phải vô tư. Điều ấy cũng áp dụng ở đây như thế.

HỎI: *Điều gì quan trọng nhất mà chúng ta có thể làm để đạt đến một thế giới hòa bình và khoan dung?*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Tôi nghĩ việc đạt đến một thế giới hòa bình phải cần thời gian. Điều ấy phải được bắt đầu tại những trình độ căn bản nhất, với những cá nhân và gia đình, và lớn mạnh từ đây.

HỎI: *Làm thế nào chúng ta có thể phân biệt giữa lòng bi mẫn ngốc nghếch và lòng rộng lượng?*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Câu hỏi không rõ ràng. Lòng bi mẫn ngốc nghếch là thế nào?

THÍNH CHÚNG: *Thưa Đức Thánh Thiện, nó có nghĩa là thể hiện lòng bi mẫn một cách mù quáng, không có đường hướng mục tiêu.*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Thế thì, một

cách thật sự, bi mãn ngọc ngách hoàn toàn không phải là lòng bi mãn hay từ bi.

HỎI: *Thông điệp của ngài gửi cho những nhà chính trị trên thế giới là gì?*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Hãy chân thật. Hãy ân cần.

HỎI: *Một người bình thường với những trách nhiệm gia đình đạt đến niết bàn và giác ngộ được không?*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Ô, vâng, không cần phải hỏi về điều ấy.

HỎI: *Chúng ta tìm hạnh phúc chân thật như thế nào?*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Theo quan điểm của nhà Phật, hình thức hòa bình tối thượng là sự chấm dứt thật sự hay niết bàn. Thế trạng của sự ngừng dứt thật sự không phải là kinh nghiệm tinh thần thoáng qua. Một khi chúng ta đạt được thế trạng ấy, chúng ta sở hữu một niềm hòa bình và hạnh phúc trường cửu, ổn định.

HỎI: *Người Phật tử hỗ trợ cho vấn đề Tây Tạng ở Ấn Độ và ở phương Tây như thế nào?*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Ngày nay, trong những người Hoa, sự quan tâm về Giáo Pháp đang lớn mạnh, một cách tổng quát, và trong Phật Giáo Tây Tạng nói riêng. Về lâu về dài, điều này là một nhân tố tích cực cho những vấn đề của Tây Tạng. Vì thế, chúng ta phải làm rõ ràng những gì thật sự là truyền thống Phật Giáo Tây Tạng. Đây là một truyền thống thuần khiết của Na Lan Đà. Nhiều người Ấn Độ tin tức rằng Na Lan Đà là một trung tâm học tập, một nơi cho sự phát triển những truyền thống thông

tuệ. Kém may mắn thay, Đạo Phật Tây Tạng đôi khi được trình bày trong những khía cạnh nông cạn của nó, với những mặt nạ và vô số nghi thức. Trong điều này, tôi nghĩ có một hiểm họa thật sự trong việc thấu hiểu sai lầm Phật Pháp. Nếu chúng ta giải thích rõ ràng rằng truyền thống Phật Giáo Tây Tạng là một sự tiếp nối của truyền thống Na Lan Đà thuần khiết, sự hiểu sai lạc sẽ không sinh khởi.

HỎI: *Ai phụng sự chúng sinh tốt hơn? Thập địa Bồ tát hay Đức Phật?*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Câu hỏi có một yếu tố nào đấy ngớ ngẩn. Nếu một vị Bồ tát Thập địa có trình độ khả năng cho phép một sự so sánh trực tiếp với Đức Phật, ngay câu hỏi về việc trở nên giác ngộ xa hơn không phát sinh. Tuy thế, như được nói rằng, một vị Bồ tát Thập địa đã đạt được một trình độ mà trên ấy ngài có thể phụng sự chúng sinh trong một phong cách hoàn toàn có thể so sánh với thế trạng của một vị Phật.

So sánh với những vị Bồ tát trong chín địa đầu tiên[2], một vị Bồ tát ở địa thứ mười ở trình độ cao nhất được gọi là Bồ tát Pháp Vân Địa. Sau địa này là tầng bậc của việc đạt đến giác ngộ, và một sự tôn trọng đặc biệt được biểu lộ cho trình độ bồ tát này (Đẳng Giác Bồ tát[3]). Đôi khi ngay cả danh xưng cũng được gọi là "Phật địa" (the bhumi of the Buddha).

HỎI: *Thưa Đức Thánh Thiện, khi người ta ngã bệnh, họ trải qua những sự kích động kinh khủng và đánh mất tính hành xả, trầm tĩnh của họ. Chúng tôi quan tâm muốn biết những gì Đức Thánh Thiện trải nghiệm khi ngài không được khỏe?*

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Tôi đã ở Bihar,

một trong những tiểu bang nghèo nhất. Trong khi tôi đi ngang qua Na Lan Đà, Ragir, Bodhgaya, và Patna, tôi đã thấy nhiều người nghèo khổ, đặc biệt là những đứa con nít và người già, nhiều người trong họ rất bệnh hoạn. Dường như không có ai chăm sóc những người như vậy. Ở khách sạn Patna, tôi bị bệnh và trải qua những cơn đau kinh khiếp. Nhưng, về tinh thần, tôi bắt đầu phản chiếu trên những người nghèo mà tôi đã thấy trước đây, đặc biệt là những đứa con nít. Thế nào đây, tâm tư tôi đã chệch hướng khỏi cơn đau. Đây là một thí dụ về việc thực hành từ bi và có ý thức ân cần cho người khác đã làm lợi ích cho chính mình rất nhiều. Nỗi đau của chính mình thế nào đây bị quên đi.

Thông thường, khi có những sự tập hợp của Phật tử, chúng ta tụng lại những câu kệ cho việc phát sinh tâm giác ngộ (bodhicitta) và phản chiếu trên ý nghĩa ấy.

Câu thứ nhất liên hệ đến việc tiếp nhận quy y trong Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo. Câu thứ hai liên hệ đến việc phát sinh tâm giác ngộ và vị tha. Và câu thứ ba liên hệ đến việc làm mạnh mẽ và nổi bật những sự thực hành của bồ tát. Thông thường, khi tôi tiến hành một nghi thức ngăn cho việc phát triển tâm giác ngộ, tôi căn cứ trên những câu kệ này.

Quý vị nên quán tưởng, trước tiên nhất, rằng trong sự hiện diện của một tranh tượng thangka hay một hình tượng của Phật, quý vị ở trong sự hiện diện thực sự của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Sau đó, trong sự hiện diện của sáu Đức Trang Nghiêm[4] và hai Đức Tối Thượng[5].

Đức Phật Thích Ca với sáu Đức Trang Nghiêm và hai Đức Tối Thượng

Quý vị quán tưởng rằng quý vị đang thấy tám vị đại đạo sư của Na Lan Đà. Hãy quán tưởng rằng đây không chỉ là hình tượng thangka, mà có ý nghĩa sự hiện diện thật sự của các ngài. Và quán tưởng rằng trong sự hiện diện của Đức Phật và những đại đạo sư này, những vị đại thành tựu cao cả, quý vị tiếp nhận quy y, phát tâm giác ngộ vì lợi ích của tất cả những chúng sinh khổ đau.

Đối với những ai thuộc truyền thống khác, quý vị có thể phản chiếu trên những vị thầy của tôn giáo quý vị.

Lập lại những dòng kệ này ba lần. Tôi cũng đã liên hệ trước đây. Năng lực của những dòng kệ này không bao giờ sai chạy:

*Với nguyện ước giải thoát tất cả chúng sinh
Con luôn luôn quy y
Trong Phật, Pháp và Tăng
Cho đến khi con đạt được giác ngộ.*

*Được làm cho nhiệt tình bởi từ bi và tuệ trí
Hôm nay với sự hiện diện của Đức Phật
Con phát sinh tâm vì sự tỉnh giác trọn vẹn
Vì lợi ích của tất cả chúng sinh.*

*Khi không gian còn tồn tại
Khi chúng sinh còn hiện hữu
Cho đến lúc ấy, con nguyện cũng sẽ hiện diện
Để xoa tan khổ đau cho trần thế.*

Talkatora Indoor Stadium, 2003
Cultivating Equanimity trích từ quyển
Many Way to Nirvana
Ấn Tâm Lộ ngày 19/08/2011

[1] Hành xả hay sự buông bỏ (cởi bỏ những điều ràng buộc trong tâm thức).

[2] 1- Hoan hỉ địa, 2- Ly cấu địa, 3- Phát quang địa, 4- Diệt tuệ địa, 5- Nan thắng địa, 6- Hiện tiền địa, 7- Viên hành địa, 8- Bất

động địa, 9- Thiên tuệ địa, 10- Pháp vân địa
[3] 11- Đẳng giác, 12- Diệu giác, 13- Toàn
giác (Phật quả).
[4] 1- Long Thọ, 2- Thánh Thiên, 3- Vô

Trước, 4- Thiên Thân, 5- Trần Na, 6- Pháp
Xứng.
[5] Gunaprabha và Shakyaprabha.

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Xa Đầu Tụ Lạc

Thuở ấy, đức Thế Tôn đang ngự tại Xa Đầu
Tụ Lạc (Cātuma) thì hai tôn giả Xá Lợi
Phất và Mục Kiền Liên dẫn một phái đoàn gồm
500 vị tỳ kheo đến yết kiến Phật.

Đang ngự trong hương thất, chợt nghe tiếng ồn
ào nổi lên, đức đạo sư gọi tôn giả A Nan đến
hỏi:

- Này A Nan, ra xem vì sao bỗng dưng khu
rừng yên tĩnh này lại ồn náo như một cái chợ cá
vậy?

Tôn giả A Nan vâng lời, đi quan sát tình
hình xong, trở về bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, tiếng ồn ào đó là do các vị tỳ
kheo trong phái đoàn do hai tôn giả Xá Lợi
Phất và Mục Kiền Liên dẫn về. Các vị tỳ
kheo ấy mới gia nhập tăng đoàn, chưa thuần
thục sa môn hạnh nên đã gây ra những tiếng
động như thế.

- Này A Nan, hãy ra bảo với Xá Lợi
Phất và Mục Kiền Liên rằng ta không muốn
gặp một ai trong đám người ấy cả. Hãy bảo họ
đi cho thật xa.

Tôn giả A Nan y lời Phật dạy và rừng cây Xa
Đầu trở lại không khí trầm lặng như xưa.

Lúc ấy, có một số tục gia đệ tử đến thăm Phật,
biết được câu chuyện vừa xảy ra, họ liền bạch
Phật:

- Bạch Thế Tôn, lời quở trách của Thế Tôn đối
với quý vị sa môn thật là quý báu. Và, chúng
con trộm nghĩ rằng, như những con bê còn thơ
dại, chưa dứt sữa thì không thể sống xa bò mẹ
quá lâu. Xin Thế Tôn tha lỗi cho quý vị ấy
và cho phép họ được gặp mặt kéo họ thối thất
tâm lành.

Trời Phạm Thiên cũng đứng ra can thiệp, nài
ni đức đạo sư bằng một thí dụ tương tự:

- Những cây con mới gieo trồng, không thể nào
chênh mẫn việc vun phân tưới nước như các
cây trưởng thành được. Xin Thế Tôn tha lỗi và
chăm sóc cho các tân sa môn ấy...

Thấy đã đủ thời gian cần thiết cho các thầy tỳ
kheo ăn năn hối lỗi, đức đạo sư cho vùi hai môn
đệ tử trưởng tràng đến.

Trước một hội chúng đông đảo, đức Phật hỏi:

- Này Xá Lợi Phất, ông nghĩ sao khi Như
Lai đuổi 500 vị tỳ kheo ấy?

Tôn giả Xá Lợi Phất thưa:

- Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng Thế Tôn sẽ được
ít bạn rợn và nhờ đó mà con được rảnh rang.

Đức đạo sư bèn quở tôn giả:

- Nay Xá Lợi Phát! Chớ để tâm niệm như thể khởi lên nơi ông nữa.

Và đức đạo sư quay sang hỏi tôn giả Mục Kiền Liên:

- Còn Mục Kiền Liên, ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn con nghĩ rằng Thế Tôn sẽ được ít bận rộn. Nhưng riêng con và tôn giả Xá Lợi Phát phải có trách nhiệm hướng dẫn hội chúng này.

- Lành thay! Nay Mục Kiền Liên, chỉ có Như Lai và hai ông mới có đủ khả năng hướng dẫn các tỳ kheo ấy.

Và đức đạo sư bèn truyền lệnh vời 500 thầy tỳ kheo đến, an ủi và dạy rằng:

- Nay các tỳ kheo! Có bốn điều nguy hiểm cho những ai lạc xuống nước. Đó là: sóng, cá sấu, nước xoáy và cá dữ. Cũng vậy, đối với người xuất gia chưa đoạn trừ phiền não thì cũng có bốn điều đáng sợ. Những gì là bốn?

Này tỳ kheo! Có những vị hảo tâm xuất gia nhưng không tránh khỏi những lỗi lầm nhỏ nhặt. Khi được các bạn đồng phạm hạnh nhỏ tuổi hơn nhắc nhở về sa môn hạnh, vị ấy cảm thấy tổn thương, nghĩ bụng:

“Ồ ngoài đời, ông đây đã từng dạy dỗ bao nhiêu người. Vậy mà bây giờ, ông phải chấp tay đứng nghe những gã đáng con đáng cháu, đáng đây tớ ông bày khôn chỉ khéo, dạy với dỗ.”

Và, vị tỳ kheo này lấy làm bất mãn, hoàn tục. Đó là hạng người bị sóng cuốn.

Này các tỳ kheo! Có những tu sĩ bị kèm thúc về việc ăn uống, bực bội nghĩ rằng:

“Hồi trước mình muốn ăn gì cũng được! Còn

bây giờ... hễ mở miệng ra là nghe cấm với đoán. Có bao nhiêu thức ăn ngon lành, bỏ dường đều bị chặn họng hết...”

Vị ấy bất mãn và hoàn tục. Đó là hạng người bị cá sấu nuốt.

Này tỳ kheo! Có những tu sĩ trên đường đi khát thực, thấy các tục gia đệ tử thọ hưởng ngũ dục, liền khởi nghĩ:

“Đời sống xuất gia thật là tù túng khôn khổ. Ngày trước mình còn ở nhà, thọ dụng tùy ý, lòng lúc nào cũng hân hoan, vui vẻ. Còn bây giờ thiếu thốn đủ thứ. Lúc nào cũng mệt mỏi và chán ngán... Chi bằng mình về nhà cất một cái cốc tu vừa khoẻ thân lại an tâm... Của mình mình ăn, khỏi sợ mắc nợ đàn na tín thí. Còn dư tiền mình đem bố thí cúng dường, kiếm thêm công đức...”

Và, vị ấy bất mãn hoàn tục. Đó là hạng người bị nước xoáy.

Hạng thứ tư, là những tỳ kheo trên đường khát thực, không biết phòng hộ tâm mình. Vị ấy nhìn thấy những phụ nữ ăn mặc hở hang, kêu gọi... liền khởi lòng tham dục, chán ngán đời sống phạm hạnh. Vị này trở về tinh xá... kiếm chuyện giân hờn, bất mãn gây gổ với bạn đồng tu rồi hoàn tục. Đó là người bị nạn cá dữ.

Này các tỳ kheo! Đó là bốn điều đáng sợ của người xuất gia. Các ông phải cẩn thận.

Đức đạo sư dạy xong, chư tỳ kheo đều hoan hỷ tín thọ phụng hành. Các thiện nam tử này, dưới sự dẫn dắt tận tâm của hai tôn giả Xá Lợi Phát và Mục Kiền Liên, tinh cần tu tập, chẳng bao lâu đắc A La Hán quả./-

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368